

ÔN LUYỆN TỪ VÀ CÂU CUỐI KÌ 1 LỚP 5

PHIẾU 1

Bài 1 : Chọn các từ thích hợp trong ngoặc đơn (*bảo toàn, bảo vệ, bảo quản, bảo đảm, bảo tàng, bảo hiểm, bảo tồn*) điền vào chỗ trống trong các câu sau :

- Chúng em tích cực môi trường sạch đẹp.
- Anh ấy đã sẽ làm xong công việc đúng hạn.
- Chiếc xe này đã được
- Lớp em được đi thăm Viện cách mạng Việt Nam.
- Rừng Cúc Phương đã được xác định là khu thiên nhiên quốc gia.
- Các hiện vật lịch sử đã được rất tốt.
- Để lực lượng, chúng ta quyết định thực hiện kế hoạch “Vườn không nhà trống”.

Bài 2 : Điền các quan hệ từ, cặp quan hệ từ thích hợp thích hợp trong ngoặc đơn (*vì... nên ; bởi vậy ; không những ... mà còn ; vì ; nếu ... thì...*) vào các câu sau đây :

- thiếu hiểu biết nhiều người đã dùng mìn đánh cá.
- dùng mìn đánh cá sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng.
- họ làm hại các loài vật sống dưới nước làm ô nhiễm môi trường.
- Nhiều đoạn sông đã không còn cá, tôm sinh sống mìn đánh cá đã làm chúng chết hết, cả con to lẫn con nhỏ.
- Nhà nước cần triệt để cấm đánh bắt cá mìn.

Bài 3 : Ghi đúng (Đ) vào trước hành động bảo vệ môi trường :

- | | | | |
|------------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| a) trồng cây gây rừng. | <input type="checkbox"/> | e) Xử lí rác thải | <input type="checkbox"/> |
| b) Chặt phá rừng. | <input type="checkbox"/> | f) Xử lí khí thải | <input type="checkbox"/> |
| c) Săn bắn thú rừng. | <input type="checkbox"/> | g) Đánh cá bằng điện. | <input type="checkbox"/> |
| d) Nạo vét lòng sông. | <input type="checkbox"/> | | |

Bài 4 : Đọc đoạn văn sau và xếp từ in đậm vào bảng phân loại bên dưới.

Chủ nhật **quây quần** bên bà, tôi và em Đóm thích **nghe** bà kể lại hồi bé ở Huế bà **ngịch** như **con trai** : bà **lội** nước và **trèo** cây phượng vĩ **hái** hoa ; sáu tuổi, bà **trắng** và **mũm mĩm** nhưng **mặt mũi** thường lem luốc như **chàng hề**.

- Danh từ :
- Động từ :
- Tính từ :
- Quan hệ từ :

Bài 5 : Đọc đoạn văn sau và ghi ra những từ ngữ miêu tả ngoại hình của người theo mục bên dưới :

Chị Gia-mi-li-a xinh thật là xinh. Vóc người thon thả, cân đối, tóc cứng không xoắn tét thành hai bím dày và nặng. Chiếc khăn trắng chị choàng rất khéo trên đầu, chéo xuống trán một chút, nom rất hợp với chị, làm tôn hẳn nước da bánh mật, khuôn mặt bầu bầu, khiến chị càng thêm duyên dáng. Mỗi khi chị Gia-mi-li-a cười, đôi mắt đen láy màu biêng biếc của chị lại bừng lên sức sống hăng say của tuổi trẻ.

- a) Miêu tả mái tóc :
- b) Miêu tả đôi mắt :
- c) Miêu tả khuôn mặt :
- d) Miêu tả làn da :
- e) Miêu tả vóc người :

Bài 6 : Xếp các từ ngữ dưới đây thành hai cột cho phù hợp : (*bất hạnh, buồn rầu, may mắn, cơ cực, cực khổ, vui lòng, mừng vui, khôn khổ, tốt lành, vô phúc, sung sướng, tốt phúc*)

- a) Đồng nghĩa với từ “hạnh phúc” :
- b) Trái nghĩa với từ “hạnh phúc” :

Bài 7 : Điền tiếp vào chỗ trống 3 từ có tiếng **nhân** mang nghĩa **lòng thương người** .
Nhân ái ,

Bài 8 : Những thành ngữ , tục ngữ nào nói về đức tính chăm chỉ ?

- a. Một nắng hai sương . b. Chín bỏ làm mười .
- c. Thức khuya dậy sớm . d. Dầm mưa dãi nắng .
- e. Nặng nhặt chặt bị . g. Đứng mũi chịu sào .
- h. Tích tiểu thành đại . i. Nửa đêm gà gáy .

Bài 9 : Nối các từ ngữ chỉ vật ở bên trái với màu của nó ở bên phải

- a. dải lụa đào
- b. môi son màu trắng (1)
- c. tấm nhiễu điều
- d. cành lá biếc màu xanh (2)
- e. con ngựa bạch
- f. hồ lục thủy màu đỏ (3)

Bài 10 : Điền tiếp từ vào chỗ trống theo yêu cầu .

- a. 5 từ phức chỉ màu đỏ : đỏ rực

.....

- b. 5 từ phức chỉ màu đen : đen tuyền ,

.....

Bài 11: Viết 2 câu văn tả 2 loài hoa màu trắng , mỗi câu dùng một từ tả màu trắng khác nhau .

.....

.....

Bài 12 : Những từ nào đồng nghĩa với từ **hạnh phúc** ?

- a. may mắn b. toại nguyện c. sung sướng
- d. giàu có e. khoan khoái g. thoải mái

Bài 13 : Những từ nào trái nghĩa với từ **hạnh phúc** ?

- a. buồn rầu b. phiền hà c. bất hạnh d. nghèo đói
- e. cô đơn g. khổ cực h. vất vả i. bất hòa

Bài 14 : Đọc câu văn sau rồi điền từ vào chỗ trống theo yêu cầu .

Một hôm , trên đường đi học về , Hùng , Quý và Nam trao đổi với nhau xem ở trên đời này,cái gì quý nhất .

Các từ là danh từ chung trong câu :

.....
a. Các từ là danh từ riêng trong câu :
.....

Bài 15 : Gạch dưới đại từ xưng hô trong các câu văn sau .

Hùng nói : “ Theo tớ , quý nhất là lúa gạo . Các cậu có thấy ai không ăn mà sống được không?

Bài 16 : Đọc đoạn văn sau :

Hải Thượng Lãn Ông là một thầy thuốc giàu lòng nhân ái , không màng danh lợi .

Có lần , một người thuyền chài có đứa con nhỏ bị bệnh đậu nặng , nhưng nhà nghèo , không có tiền chạy chữa . Lãn Ông biết tin bèn đến thăm . Giữa mùa hè nóng nực , cháu bé nằm trong chiếc thuyền nhỏ hẹp , người đầy mụn mủ , mùi hôi tanh bốc lên nồng nặc . Nhưng Lãn Ông không ngại khổ . Ông đã ân cần chăm sóc đứa bé suốt một tháng trời và chữa khỏi bệnh cho nó . Khi từ giã nhà thuyền chài , ông chẳng những không lấy tiền mà còn cho thêm gạo củi .

Viết vào chỗ trống theo yêu cầu .

a) Một danh từ làm chủ ngữ trong kiểu câu **Ai là gì ?**
.....

b) Một đại từ làm chủ ngữ trong kiểu câu **Ai làm gì ?**
.....

c) Một danh từ làm chủ ngữ trong kiểu câu **Ai thế nào ?**
.....

d) Một danh từ làm bộ phận của vị ngữ trong kiểu câu **Ai là gì ?**
.....

Bài 17 : Tìm trong đoạn văn sau các động từ , tính từ , quan hệ từ để điền vào chỗ trống .

A Cháng đẹp người thật . Mười tám tuổi , ngực nở vòng cung , da đỏ như lim , bắp tay bắp chân rắn như trắc , gụ . Vóc cao , vai rộng , người đứng thẳng như cái cột đá trời trồng . Nhưng phải nhìn A Cháng cày mới thấy hết vẻ đẹp của anh .

Động từ :

Tính từ :

Quan hệ từ :

Bài 18 : Nối những dấu cheo vào ô trống trước từ loại nối theo từng cột

| DANH TỪ | ĐỘNG TỪ | TÍNH TỪ |
|---------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> - giáo viên | <input type="checkbox"/> -bàn ghế | <input type="checkbox"/> - mảnh mai |
| <input type="checkbox"/> - chăm chỉ | <input type="checkbox"/> - làm bài | <input type="checkbox"/> - chăm sóc |
| <input type="checkbox"/> - ôn luyện | <input type="checkbox"/> - rục rờ | <input type="checkbox"/> - lễ phép |
| <input type="checkbox"/> - phòng học | <input type="checkbox"/> - phát biểu | <input type="checkbox"/> -sân trường |
| <input type="checkbox"/> - làm bài | <input type="checkbox"/> - sáng sủa | <input type="checkbox"/> - chậm chạp |
| <input type="checkbox"/> - cần cù | <input type="checkbox"/> -đôi mắt | <input type="checkbox"/> - bầu trời |
| <input type="checkbox"/> - bài thi | <input type="checkbox"/> - bài tập | <input type="checkbox"/> - cây cỏ |
| <input type="checkbox"/> - quyển sách | <input type="checkbox"/> - nổi lo | <input type="checkbox"/> - sự tự tin |
| <input type="checkbox"/> - thực hành | <input type="checkbox"/> - mưa gió | <input type="checkbox"/> - mập mạp |

- giảng dạy

- mệt mỏi

- yêu thương

Bài 19 : Đặt câu có cặp quan hệ biểu thị quan hệ nguyên nhân – kết quả :

- a) Vì ...nên... :.....
- b) Do ... nên ... :.....
- c) Tại ... nên ... :.....
- d) Bởi ... nên ... :
- e) Nhờ ... mà :.....

Câu 20 : Đặt câu có cặp quan hệ biểu thị quan hệ giả thiết – kết quả :

- a) Nếu ... thì ... :.....
- b) Hễ ... thì ... :.....

Câu 21 : Đặt câu có cặp quan hệ biểu thị quan hệ tương phản :

- a) Tuy ... nhưng... :.....
- b) Mặc dù ... nhưng.... :.....

Câu 22 : : Đặt câu có cặp quan hệ biểu thị quan hệ tăng tiến :

- a) Không những ... mà còn.... :.....
- b) Không chỉ ... mà còn ..:.....

Baøi 22 : Điền các thành ngữ , tục ngữ sau vào bảng cho phù hợp .

- | | |
|------------------------------|-------------------------------|
| a. Chị ngã em nâng | g. Kính thầy yêu bạn |
| b. Tôn sư trọng đạo | h. Học thầy không tày học bạn |
| c. Thờ cha kính mẹ | i. Bạn bè con chấy cắn đôi |
| d. Không thầy đố mày làm nên | k. Giàu về bạn , sang về vợ |
| e. Cá không ăn muối cá uơn | |
- Con cãi cha mẹ trăm đường con hư

- a) **Quan hệ gia đình :**
- b) **Quan hệ thầy trò**
- c) **Quan hệ bạn bè :**.....

Bài 23 : Điền thêm từ chỉ quan hệ vào chỗ trống

- a) Đêm đã khuya.....em vẫn chưa buồn ngủ.
- b) Ba mẹ rầy laem rất buồn.
- c) Bạn Lan không đến đúng giờ.....chúng em sẽ đi trước.
- d) Hôm nay, tổ Một Tục lớp.....tổ Hai trực lớp ?
- e) Em thích học môn toán.....Mai thích học tiếng Việt.
- f)bé hát hay.....bé
.....múa giỏi nữa.
- g)Nam chủ quan.....bài kiểm tra của
Nam bị điểm kém.
- h)nhà quá nghèoThanh phải đi bán vé số
giúp gia đình.
- i)Hải nhỏ nhất lớp.....Hải luôn đứng đầu về
việc học tập.
- j)bạn Đức hát.....cả lớp lại vỗ tay rất
to.

k) Lan có hoàn cảnh gia đình khá giả bạn ấy lúc nào cũng buồn.

Bài 24 : Gạch chân cặp từ chỉ quan hệ và cho biết đó là quan hệ gì ?

a) Vì trời lạnh nên em phải mặc áo ấm.

.....
b) Hễ trời mưa thì đường lầy lội.

.....
c) Nhờ tập thể dục nên cơ thể tôi được khỏe mạnh.

.....
d) Nếu bạn mệt thì mình sẽ xin phép nghỉ học giúp cho bạn.

.....
e) Tuy nhà xa trường nhưng em luôn đến lớp đúng giờ.

.....
f) Mặc dù bé Giang chưa đầy một tuổi nhưng bé nói rất giỏi.

.....
g) Chẳng những Lan học giỏi mà bạn còn rất ngoan.

.....
h) Việc giữ gìn môi trường sạch đẹp không chỉ là nhiệm vụ của người lớn mà còn là trách nhiệm của trẻ em.

.....
i) Nếu như em thương ba mẹ thì em phải cố gắng học tập.

.....
j) Giá như em nghe lời chị thì bây giờ em đã đạt danh hiệu học sinh tiên tiến.

.....
k) Mặc dù con chim sẻ đã cố gắng hết sức nhưng nó vẫn phải chết vì cậu chủ vô tình.

.....
l) Không chỉ mẹ tôi buồn mà bố tôi cũng rất buồn.

.....
m) Nếu đêm đó tôi chiến thắng được cơn lười của bản thân thì chắc là con chim nhỏ đã không bị chết.

.....
n) Vì thấy Nam đã quá sợ nên ai nấy cười to.

.....
o) Tuy lưng hơi còng nhưng ông tôi đi lại vẫn nhanh nhẹn.

.....
p) Dù đêm đã khuya nhưng mẹ em vẫn ngồi khâu vá.

.....
q) Hễ Huy phát biểu thì cả lớp lại cười rộ lên.

.....
r) Nhờ sự cố gắng chăm chỉ nên giờ đây Tú đã là một học sinh giỏi.

.....
s) Chẳng những Hải đánh đàn hay mà bạn ấy còn học toán giỏi nữa.

t) Tuy chưa đến mùa đông nhưng trời đã trở rét.

u) Sở dĩ Hùng học kém vì bạn không chăm chỉ.

Bài 25 : Tìm từ thích hợp điền vào chỗ trống trong những câu tục ngữ sau :

- danh hơn áo.
- Cái đánh chết cái
- Muaba vạn, bánba đồng.
- Cây không sợđứng.
- Ởgặp

Bài 26 : Điền về câu thích hợp vào chỗ trống :

- a) Tôi về nhà và
- b) Tôi về nhà rồi
- c) Tôi về nhà còn.....
- d) Tôi về nhà nhưng
- e) Tôi về nhà mà.....
- f) Tôi về nhà hoặc
- g) Nhưng nói và.....
- h) Nhưng nói rồi
- i) Nhưng nói còn.....
- j) Nhưng nói nhưng

Câu 27 : Tìm từ đồng nghĩa với từ

- a) **đắt nước** :
- b) **học tập** :
- c) **to** :

Câu 2 : Tìm từ láy

- + Chỉ màu **trắng** :
- + Chỉ màu **xanh** :

Tìm từ ghép :

- + Chỉ màu **trắng** :
- + Chỉ màu **xanh** :

Câu 28 :: Đặt câu phân biệt các từ đồng âm sau đây :

- a) **sao** (1) :
- b) **sao** (2) :
- c) **ga** (1) :
- d) **ga** (2) :
- e) **đàn** (1) :
- g) **đàn** (2) :
- h) **chèo** (1) :
- i) **chèo** (2) :
- k) **canh** (1)
- l) **canh** (2)
- m) **sổ** (1) :

n) số (2) :

Câu 29 : Điền vào chỗ trống 2 từ trái nghĩa với từ đã cho :

a) Chăm :

b) Ngoan :

c) Thông minh :

d) Hiền lành :

Câu 31 : Đặt câu với “nhà” được dùng với các nghĩa sau đây :

a) Nhà có nghĩa là nơi để ở :

.....

b) Nhà có nghĩa là gia đình :

.....

c) Nhà có nghĩa là người làm nghề gì đó :

.....

d) Nhà có nghĩa là đời vua :

.....

e) Nhà có nghĩa là vợ hoặc chồng :

.....

Câu 32 : Tìm từ đồng nghĩa và trái nghĩa với mỗi từ sau đây :

| | Thắng lợi | Hòa bình | Đoàn kết | Hùng vĩ | Bảo vệ |
|-------------------|------------------|-----------------|-----------------|----------------|----------------|
| Đồng nghĩa | | | | | |
| Trái nghĩa | | | | | |

Câu 33 : Tìm từ đồng nghĩa với các từ sau :

a) hoa :

b) bát :

c) bắt nạt :

d) xấu hổ :

e) mênh mông :

f) chót vót :

g) lấp lánh :

h) vắng vẻ :

i) đông vui :

j) mơ ước :

Câu 34 : Trong câu: “Trời thu xanh thăm thẳm, nắng cuối thu lấp lánh, long lanh, dát vàng trên những chiếc lá trải dài trên mặt đất.” có bao nhiêu từ láy? Kể ra ?

.....

Câu 35 : Trong câu: *“Hồn tôi hóa thành chiếc sáo trúc nâng ngang môi chú bé ngồi vắt vẻo trên lưng trâu”* có mấy động từ?

.....
Câu 36 : Chủ ngữ của câu: *“Thoáng cái, dưới bóng râm của rừng già, thảo quả lan tỏa nơi tầng rừng thấp, vươn ngọn, xòe lá, lấn chiếm không gian.”* là gì?

.....
Câu 37: Đặt 2 câu theo yêu cầu sau:

a) Một câu có “năm nay” làm trạng ngữ.

.....
b) Một câu có “năm nay” làm chủ ngữ.

.....
Câu 38 : Đặt câu với các từ theo yêu cầu :

a) Một câu có từ **“qua”** là động từ :

.....
b) Đặt một câu với từ **“qua”** là quan hệ từ :

.....
c) Một câu có từ **“về”** là động từ :

.....
d) Một câu có từ **“về”** là quan hệ từ:

Bộ đề trắc nghiệm ôn tập môn tiếng Việt lớp 5

Câu 1: Khoanh tròn vào chữ cái tr-ớc từ có tiếng **áo** mang nghĩa : “*giữ, chịu trách nhiệm*”.

- A. Áo kiểm B. Áo toàn C. Áo ngọc D. Áo bảo

Câu 2: a. Đồng nghĩa với từ **hạnh phúc** là từ:

- A. Sung s- óng B. Toại C. Phúc hậu D. Giàu có

nguyên

b. Trái nghĩa với từ **hạnh phúc** là từ:

- A. Túng thiếu B. Bất hạnh C. Gian khổ D. Phúc tra

Câu 3: Hãy nhận xét cách sắp xếp vị trí các trạng ngữ trong các câu d-ới đây và đánh dấu X vào những câu đúng:

- a) Lúc tảng sáng, ở quãng đ-ờng này, lúc chập tối, xe cộ qua lại tấp nập.
b) Lúc tảng sáng và lúc chập tối, ở quãng đ-ờng này, xe cộ qua lại rất tấp nập.
c) ở quãng đ-ờng này, lúc tảng sáng và lúc chập tối xe cộ qua lại rất tấp nập.
d) Lúc chập tối ở quãng đ-ờng này, lúc tảng sáng và lúc chập tối, xe cộ qua lại rất tấp nập.

Câu 4: Từ nào d-ới đây có tiếng “áo” không có nghĩa là “*giữ, chịu trách nhiệm*”.

- A. áo vệ B. áo hành C. áo kiểm D. áo quản

Câu 5: Câu văn nào d-ới đây dùng sai quan hệ từ:

- A. Tuy trời m- a to nh- ng bạn Hà vẫn đến lớp đúng giờ. B. Thắng gây nh- ng rất khoẻ.
C. Đất có chất màu vì nuôi cây lớn. D. Đêm càng về khuya, trăng càng sáng.

Câu 6: Từ nào d-ới đây không đồng nghĩa với các từ còn lại?

- A. Cầm. B. Nắm C. Cõng. D. Xách.

Câu 7: Cho đoạn thơ sau:

Muốn cho trẻ hiểu biết

Thế là bố sinh ra

Bố bảo cho bé ngoan

Bố dạy cho biết nghĩ

(Chuyện cổ tích loài ng- ời - Xuân Quỳnh)

Cặp quan hệ từ in nghiêng trên biểu thị quan hệ gì?

- A. Nguyên nhân - kết quả. B. T- ong phần. C. Giả thiết - kết quả. D. Tăng tiến.

Câu 8: Dòng nào d-ới đây nêu đúng nét nghĩa chung của từ “**chạy**” trong thành ngữ “**Chạy thầy chạy thuốc**”?

- A. Di chuyển nhanh bằng chân.
B. Hoạt động của máy móc.
C. Khẩn tr- ong tránh những điều không may xảy ra.
D. Lo liệu khẩn tr- ong để nhanh có đ- ợc cái mình muốn.

Câu 9: Khoanh vào chữ cái đặt tr- ớc câu trả lời đúng nhất:

Câu: "**Bạn có thể đ□a cho tôi lọ mực không?**" thuộc kiểu câu:

- A. Câu cầu khiến
B. Câu hỏi có mục đích câu khiến.
C. Câu hỏi
D. Câu cảm.

Câu 10: Dòng nào có từ mà tiếng *nhân* không cùng nghĩa với tiếng *nhân* trong các từ còn lại?

- a. Nhân loại, nhân tài, nhân lực.
b. Nhân hậu, nhân nghĩa, nhân ái.
c. Nhân công, nhân chứng, chủ nhân.
d. Nhân dân, quân nhân, nhân vật.

Câu 11: Trong các câu sau, câu nào là câu ghép ?

- a. Bình yêu nhất đôi bàn tay mẹ.
b. Sau nhiều năm xa quê, giờ trở về, nhìn thấy con sông đầu làng, tôi muốn giang tay ôm dòng n- ớc để trở về với tuổi thơ.
c. Mùa xuân, hoa đào, hoa cúc, hoa lan đua nhau khoe sắc.
d. Bà ngừng nhai trầu, đôi mắt hiền từ d- ối là tóc trắng nhìn cháu âu yếm và mến th- ơng.

Câu 12: Từ nào sau đây gần nghĩa nhất với từ hoà bình?

- a) Bình yên.
b) Hoà thuận.
c) Thái bình.
d) Hiên hoà.

Câu 13: Câu nào sau đây không phải là câu ghép .

- a) Cánh đồng lúa quê em đang chín rộ.
b) Mây đen kéo kín bầu trời, cơn m- a ập tới.
c) Bố đi xa về, cả nhà vui mừng.
d) Bầu trời đầy sao nh- ng lặng gió.

Câu 14: Trong câu sau: "**Ngay thềm lăng, m□ời tám cây vạn tuế t□ọng tr□ng cho một đoàn quân danh dự đứng trang nghiêm**" có:

- A. 1 Tính từ ; 1 động từ.
B. 2 Tính từ ; 2 động từ
C. 2 Tính từ ; 1 động từ.
D. 3 Tính từ ; 3 động từ.

Câu 15: Câu: "**Bạn có thể đ□a cho tôi lọ mực không?**" thuộc kiểu câu:

- A. Câu cầu khiến
B. Câu hỏi
C. Câu hỏi có mục đích câu khiến.
D. Câu cảm.

Câu 16: Ghi dấu x vào □ tr- ớc từ trái nghĩa với từ " thắng lợi"

- Thua cuộc
 Chiến bại
 Tồn thất
 Thất bại

Câu 17: Khoanh vào chữ cái đúng tr□ớc dòng chỉ gồm các từ láy:

- A. Bằng bằng, mới mẻ, đầy đủ, êm ả
B. Bằng bạn, cũ kĩ, đầy đủ, êm ái
C. Bằng phẳng, mới mẻ, đầy đặn, êm ấm
D. Bằng bằng, mới mới, đầy đặn, êm êm

Câu 18: Khoanh vào chữ cái đúng tr□ớc dòng chỉ gồm các động từ :

- A. Niềm vui, tình yêu, tình th- ơng, niềm tâm sự
B. Vui t- ươi, đáng yêu, đáng th- ơng, sự thân thương
C. Vui chơi, yêu th- ơng, th- ơng yêu, tâm sự
D. Vui t- ươi, niềm vui, đáng yêu, tâm sự

Câu 19: Cho các câu tục ngữ sau :

- *Cáo chết ba năm quay đầu về núi.*

- *Lá rụng về cội.*

- *Trâu bảy năm còn nhớ chuồng.*

Chọn ý thích hợp d□ới đây để giải thích ý nghĩa chung của các câu tục ngữ trên.

- Làm ng- ời phải thủy chung.
- Gắn bó quê h- ơng là tình cảm tự nhiên.
- Loài vật th- ờng nhớ nơi ở cũ .
- Lá cây th- ờng rụng xuống gốc.

Câu 20: Tìm từ trái nghĩa cho từ “ **Hoà bình**” . Đặt hai câu để phân biệt cặp từ trái nghĩa.

.....

.....

.....

Câu 21 : Xác định từ viết đúng :

- Chăm lo Chăm no Trăm no Trăm

lo

Câu 22: Từ điền vào chỗ trống của câu: " Hẹp nhà..bụng " là:

- A. nhỏ. B. rộng. C. to. D. tốt.

Câu 23: Trong các từ sau từ nào không phải là danh từ.

- a/ Niềm vui b/ Màu xanh c/ Nụ c- ời. d/ Lây lội

Câu 24: Truyện "ăn xôi đậu để thi đậu" từ " *đậu*" thuộc:

- a/ Từ nhiều nghĩa. b/ Từ đồng nghĩa. c/ Trái nghĩa. d/ Từ đồng âm.

Câu 25: Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau

- a/ Hoà bình c/ Đoàn kết.
b/ Th- ơng yêu. d/ Giữ gìn.

Câu 26 Thành ngữ nào d□ới đây nói về tinh thần dũng cảm?

- A. Chân lấm tay bùn. B. Đi sớm về khuya.
C. Vào sinh ra tử. D. Chết đứng còn hơn sống quỳ.

Câu 27 Từ “ *xanh*” trong câu “ *Đâu xanh tuổi trẻ sẵn sàng xông pha*” và từ

“ *xanh*” trong câu “ *Bốn mùa cây lá xanh t- ời*” có quan hệ với nhau nh□ thể nào?

- A. Đó là một từ nhiều nghĩa. Đó là hai đồng âm.
B. Đó là hai từ đồng nghĩa. D. Đó là từ nhiều nghĩa và từ đồng nghĩa.

Câu 28: Trong các nhóm từ sau đây , nhóm nào là tập hợp các từ láy:

- A. xa xôi, mải miết, mong mỏi, mơ mộng.
B. xa xôi, mải miết, mong mỏi , mơ màng.
C. xa xôi , mong ngóng , mong mỏi, mơ mộng.
D. xa xôi, xa lạ, mải miết , mong mỏi.

Câu 29: Trong các câu sau đây, câu nào có từ " *ăn*" đ□ợc dùng theo nghĩa gốc:

- A. Làm không cẩn thận thì ăn đòn nh- chơi!
B. Chúng tôi là những ng- ời làm công ăn l- ơng.
C. Cá không ăn muối cá - ơn.
D. Bạn Hà thích ăn cơm với cá.

Câu 30: Dãy từ nào d□ới đây gồm các từ đồng nghĩa với từ " *nhô*" (Trong câu: *Vàng trắng vàng thắm đang từ từ nhô lên từ sau lũy tre xanh thắm*)

a. Mọc, ngoi, dựng.

b. Mọc, ngoi, nhú.

c. Mọc, nhú, đội.

d. Mọc, đội, ngoi.

Câu 31: Trong 2 câu thơ "*Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay*

V- ọn hót chim kêu suốt cả ngày"

a. Có 5 danh từ, 2 động từ, 1 tính từ, đó là.....

b. Có 6 danh từ, 2 động từ, 1 tính từ, đó là

c. Có 4 danh từ, 3 động từ, 1 tính từ, đó là.....

d. Có 4 danh từ, 2 động từ, 1 tính từ, đó là:

Câu 32: Đọc đoạn văn sau:

(a) Hà dẫn Hoa cùng ra ruộng lạc. (b) Bây giờ, mùa lạc đang vào củ. (c) Hà đã giăng giải cho cô em họ cách thức sinh thành củ lạc. (d) Một đám trẻ đủ mọi lứa tuổi đang chơi đùa trên đê.

Trong đoạn văn trên, câu văn nào không phải là câu kể: Ai làm gì?

A. câu (a)

B. câu (b)

C. câu (c)

D. câu (d)

Câu 33 Ai là tác giả của Bài thơ: "*Hạt gạo làng ta*"

A. Nguyễn Duy

B. Trần Đăng Khoa

C. Tố Hữu.

D. Nguyễn Bùi Vợi.

Câu 34. Đọc hai câu thơ sau:

Sáu mươi tuổi vẫn còn xuân chán

So với ông Bành vẫn thiếu niên.

Nghĩa của từ "**xuân**" trong đoạn thơ là:

A. Mùa đầu tiên trong 4 mùa

B. Trẻ trung, đầy sức sống

C. Tuổi tác

D. Ngày

Câu 35. Cho câu sau: *Hình ảnh ng- ời dũng sĩ mặc áo giáp sắt, đội mũ sắt, cỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân giặc.* => là câu sai vì:

A. Thiếu chủ ngữ.

B. Thiếu vị ngữ.

C. Thiếu trạng ngữ.

D. Thiếu cả chủ ngữ và vị ngữ.

Câu 36. Câu chia theo mục đích diễn đạt gồm có các loại câu sau:

A. Câu kể, câu đơn, câu ghép, câu hỏi.

B. Câu hỏi, câu ghép, câu khiến, câu kể.

C. Câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến.

D. Câu kể, câu cảm, câu hỏi, câu đơn.

Câu 37 Câu nào có từ "**chạy**" mang nghĩa gốc?

A. Tết đến, hàng bán rất chạy

B. Nhà nghèo, Bác phải chạy ăn từng bữa.

C. Lớp chúng tôi tổ chức thi chạy.

D. Đồng hồ chạy rất đúng giờ.

Câu 38. Câu tục ngữ: "*Đói cho sạch, rách cho thơm*" có ý khuyên ta điều gì?

A. Đói rách cũng phải ăn ở sạch sẽ, vệ sinh.

B. Dù có nghèo túng, thiếu thốn cũng phải sống trong sạch, giữ gìn phẩm chất tốt đẹp

C. Dù nghèo đói cũng không đ- ợc làm điều gì xấu.

D. Tuy nghèo đói nh- ng lúc nào cũng phải sạch sẽ thơm tho.

Câu 39: Cuối của bài thơ “ **Hành trình của bầy ong**” tác giả có viết:

"Bầy ong giữ hộ cho ng- ời

Những mùa hoa đã tàn phai tháng ngày."

Hai dòng thơ trên ý nói gì?

A. Bầy ong đã làm cho những mùa hoa tàn phai nhanh.

C. Bầy ong đã làm cho những mùa hoa không bao giờ hết.

B. Bầy ong đã giữ những giọt mật cho đời.

D. Bầy ong giữ đ- ợc những h- ơng vị của mật hoa cho con ng- ời sau khi các mùa hoa đã hết

Câu 40: Cho câu văn:

*Trên nền cát trắng tinh, nơi ngực cô Mai tì xuống đón đ- ờng bay của giặc, mọc lên những bông hoa tím. **Chủ ngữ trong câu trên là:***

A. trên nền cát trắng tinh

B. nơi ngực cô Mai tì xuống

C. nơi ngực cô Mai tì xuống đón đ- ờng bay của giặc

D. những bông hoa tím

Câu 41: Dòng nào gồm các từ láy:

A. Đông đảo, đông đúc, đông đông, đông đủ, đen đen, đen đủi, đen đúa.

B. Chuyên chính, chân chất, chân chính, chăm chỉ, chậm chạp.

C. Nhẹ nhàng, nhỏ nhỏ, nhớ nhung, nhàn nhạt, nhạt nhẽo, nhấp nhồm, nh- ng nhức.

D. Hao hao, hốt hoảng, hây hây, hớt hải, hội họp, hiu hiu, học hành.

Câu 42: Cặp quan hệ từ trong câu sau biểu thị quan hệ gì?

Câu: Không chỉ sáng tác nhạc, Văn Cao còn viết văn và làm thơ.

A. Quan hệ nguyên nhân- kết quả.

B. Quan hệ t- ơng phản.

C. Quan hệ điều kiện- kết quả.

D. Quan hệ tăng tiến

Câu 43: Từ “ **đánh**” trong câu nào đ- ợc dùng với ý nghĩa gốc:

a. Mẹ chẳng đánh em Hoa bao giờ vì em rất ngoan.

b. Bạn Hùng có tài đánh trống.

c. Quân địch bị các chiến sĩ ta đánh lạc h- ớng.

d. Bố cho chú bé đánh giày một chiếc áo len.

Câu 44 Thành ngữ, tục ngữ nào nói về tính “ **chăm chỉ**” .

a. Chín bỏ làm m- ời.

b. Dầm m- a dãi nắng.

c. Thức khuy dậy sớm.

d. Đứng mũi chịu sào.

Câu 45: Dòng nào chỉ gồm các động từ.

a. Niềm vui, tình yêu, tình th- ơng, niềm tâm sự.

b. Vui t- ơi, đáng yêu, đáng th- ơng, sự thân th- ơng.

c. Vui t- ơi, niềm vui, đáng yêu, tâm sự.

d. Vui chơi, yêu th- ơng, th- ơng yêu, tâm sự.

Câu 46: Câu “*Chiếc lá thoáng tròng trành, chú nhái bén loay hoay cố giữ cho thăng bằng rồi chiếc thuyền đỏ thắm lặng lẽ xuôi dòng*” có mấy vế câu:

- a. Có 1 vế câu b. Có 2 vế câu c. Có 3 vế câu

Câu 47 Từ nào **đ**ối đây không đồng nghĩa với những từ còn lại?

- A. phang B. đâm C. đá D. vỗ

Câu 48: Từ “**đ**ánh” trong câu nào **đ**ối đây **đ**ọc dùng với nghĩa gốc

- A- Hàng tuần, vào ngày nghỉ, bố th- ờng đánh giầy.
 B- Sau bữa tối, ông và bố tôi th- ờng ngồi đánh cờ.
 C- Các bác nông dân đánh trâu ra đồng cày.
 D- Chị đánh vào tay em

Câu 49: Từ ngữ nào **đ**ối đây viết đúng chính tả?

- A. xuất xác B. xuất sắc C. suất sắc D. suất xác

Câu 50: Từ " đi" trong câu nào **đ**ối đây mang nghĩa gốc:

- A. Anh đi ô tô, còn tôi đi xe đạp. B. Nó chạy còn tôi đi.
 C. Thành bé đã đến tuổi đi học. D. Anh đi con Mã, còn tôi đi con Tốt.

Câu 51: Dòng nào sau đây chỉ gồm các từ láy:

- A. cần cù, chăm chỉ, thật thà, h- hòng.
 B. thẳng thắn, siêng năng, đứng đắn, ngoan ngoãn.
 C. cần cù, chăm chỉ, đứng đắn, thẳng thắn.
 D. lêu lổng, thật thà, tốt đẹp, chăm chỉ.

Câu 52: Trạng ngữ trong câu: " *Cái hình ảnh trong tôi về cô, đến bây giờ vẫn còn rõ nét*" là:

- A. Cái hình ảnh trong tôi về cô B. Đến bây giờ
 C. Vẫn còn rõ nét D. Cái hình ảnh

Câu 53: Câu nào **đ**ối đây là câu ghép:

- A. Mặt biển sáng trong và dịu êm.
 B. Mặt trời lên, toả ánh nắng chói chang.
 C. Sóng nhẹ nhàng liếm trên bãi cát, tung bọt trắng xoá.
 D. Sóng nhẹ nhàng liếm trên bãi cát, bọt tung trắng xoá.

Câu 54: Từ " vàng" trong câu: " *Giá vàng trong n- ớc tăng đột biến*" và " *Tấm lòng vàng*" có quan hệ với nhau nh- thế nào?

- A. Từ đồng âm B. Từ đồng nghĩa. C. Từ nhiều nghĩa. D. Từ trái nghĩa.

Câu 55: Xác định đúng bộ phận CN, VN trong câu sau: “ *Tiếng cá quẫy tung tăng xôn xao quanh mạn thuyền*” .

- A. Tiếng cá quẫy tung toảng xôn xao quanh mạn thuyền
 B. Tiếng cá quẫy tung toảng xôn xao quanh mạn thuyền
 C. Tiếng cá quẫy tung toảng xôn xao quanh mạn thuyền
 D. Tiếng cá quẫy tung toảng xôn xao quanh mạn thuyền

Câu 56: Trong những câu sau, câu nào là câu ghép:

- A. Càng lên cao, trăng càng nhỏ dần, càng vàng dần càng nhẹ dần.
 B. Cả một vùng n- ớc sóng sánh, vàng chói lọi.

C. Bầu trời cũng sáng xanh lên.

D. Biển sáng lên lấp lánh nh- đặc sánh, còn trời thì trong nh- n- ớc.

Câu 57: Thành ngữ, tục ngữ nào dưới đây không nói về tinh thần hợp tác ?

- a. Kề vai sát cánh.
- b. Chen vai thích cánh.
- c. Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.
- d. Đồng tâm hợp lực.

Câu 58: Từ “trong” ở cụm từ “phát phối trong gió” và từ “trong” ở cụm từ “nắng đẹp trời trong” có quan hệ với nhau như thế nào ?

- a. Đó là một từ nhiều nghĩa.
- b. Đó là một từ cùng nghĩa.
- c. Đó là hai từ đồng nghĩa.
- d. Đó là hai từ đồng âm.

Câu 59: Trong câu sau:

"Một vầng trăng tròn to và đỏ hồng hiện lên ở chân trời, sau rặng tre đen của một ngôi làng xa." Có mấy quan hệ từ, đó là:

- A. 1 QHT:
- B. 2 QHT:
- C. 3 QHT:
- D. 4 QHT:

Câu 59: Dòng nào chỉ các từ đồng nghĩa:

- A. Biểu đạt, diễn tả, lựa chọn, đồng đúc.
- B. Diễn tả, tập nập, nhộn nhịp, biểu thị.
- C. Biểu đạt, bày tỏ, trình bày, giải bày.
- D. Chọn lọc, trình bày, sàng lọc, kén chọn.

Câu 60: Chọn nhóm quan hệ từ thích hợp nhất điền vào dấu ba chấm trong câu sau:

...thời tiết không thuận nên lúa xấu.

- A. Vì, nếu
- B. Nhờ, tại
- C. Do, nhờ
- D. Vì, do, tại

Câu 61. "Bạn có thể đưa tôi quyển sách đọc không" thuộc kiểu câu gì?

- A. Câu cầu khiến
- B. Câu hỏi có mục đích cầu khiến
- C. Câu hỏi
- d. Câu cảm

Câu 62: Câu thành ngữ, tục ngữ nào dưới đây có nghĩa tương tự câu thành ngữ sau: "Lá lành đùm lá rách"

- A. ở hiền gặp lành
- B. Nh- ờng cơm, sẻ áo
- C. Trâu buộc ghét trâu ăn
- D. Giấy rách phải giữ lấy lề

Câu 63: Dòng nào chỉ gồm toàn các từ láy:

- A. Loang loáng, sừng sững, mọc mọc, mong mỏng.
- B. Mơn man, nhỏ nhẹ, rì rầm, xôn xao.
- C. Cần cù, chăm chỉ, dẻo dai, thật thà.
- D. í ới, chơi với, lành lạnh, mong ngóng.

Câu 64: Trong câu: " Ngay thêm lãng, m- ời tám cây vạn tuế t- ợng tr- ng cho một đoàn quân danh dự đứng trang nghiêm." có:

- A. 4 danh từ, 1 động từ, 3 tính từ
- B. 5 danh từ, 2 động từ, 1 tính từ
- C. 4 danh từ, 2 động từ, 2 tính từ

D. 5 danh từ, 1 động từ, 2 tính từ

Câu 65: Những từ nào chứa tiếng hữu có nghĩa là " bạn"?

- A. Hữu tình B. Hữu ích C. Bằng hữu D. Hữu nghị

Câu 67: Trong các câu sau, câu nào có từ : " quả" đ^oọc hiểu theo nghĩa gốc.

- A. Trăng tròn nh- quả bóng. B. Quả dưa đàn lợn con nằm trên cao.
C. Quả đồi trơ trụi cỏ. D. Quả đất là ngôi nhà của chúng ta.

Câu 68: Khoanh tròn vào chữ cái tr^oớc câu văn bày tỏ ý cầu khiến đúng phép lịch sự?

- A. Bố cho con đi chơi đi! B. Bố hãy cho con đi chơi!
C. Bố có thể đ- a con đi chơi chứ ạ? D. Bố cho con đi chơi đi nào!

Câu 69. Dòng nào đ^oối đây gồm những từ ghép đúng?

- A. thiên hạ, thiên nhiên, thiên phú, thiên liêng.
B. thiên hạ, thiên nhiên, thiên thời, thiên tai.
C. thiên hạ, thiên đình, thiên tai, thiên cảm
D. thiên nhiên, thiên học, thiên tài, thiên văn

Câu 70 Từ "trong" ở cụm từ "không khí nhẹ và trong" và từ "trong" trong cụm từ "trong không khí mát mẻ" có quan hệ với nhau nh^o thế nào?

- A. Hai từ đồng âm B. Một từ nhiều nghĩa C. Hai từ trái nghĩa D. Hai từ đồng nghĩa

Câu 71: Câu nào sau đây viết đúng nhất?

- A. Tiết trời th- ờng lạnh, lúc sáng sớm, ở miền núi.
B. ở miền núi, lúc sáng sớm, tiết trời th- ờng lạnh.
C. Tiết trời th- ờng lạnh, ở miền núi, lúc sáng sớm.
D. Lúc sáng sớm, tiết trời th- ờng lạnh, ở miền núi.

Câu 72: Câu: "*Trong im ắng, h- ong v- ờn thom thoảng bắt đầu rón rén b- ớc ra và tung tăng trong ngọn gió nhẹ, nháy trên cỏ, tr- ờn trên những thân cành.*" có mấy vị ngữ?

- A. một vị ngữ B. ba vị ngữ C. hai vị ngữ D. bốn vị ngữ

Câu 73: Nhóm từ nào sau đây có một từ không đồng nghĩa với những từ còn lại ?

- A. đẻ, sinh, sanh C. phát minh, phát kiến, sáng tạo, sáng chế
B. lạnh, rét, giá rét, rét buốt D. sao chép, cốp pi, sáng tác, chép lại, phô tô

Câu 74. Câu nào có từ " chạy" mang nghĩa gốc?

- A. Tết đến, hàng bán rất chạy B. Nhà nghèo, Bác phải chạy ăn từng bữa.
C. Lốp chúng tôi tổ chức thi chạy. D. Đồng hồ chạy rất đúng giờ.

Câu 75. Câu " *Bạn có thể cho tôi m- ợn chiếc bút đ- ọc không ?*" thuộc kiểu câu gì?

- A. câu kể B. câu hỏi
C. câu khiến D. câu hỏi có mục đích cầu khiến

Câu 76: Chủ ngữ của câu "*Không gian là khoảng rộng mênh mông, chứa đựng tất cả mọi vật.*" :

A. Không gian là khoảng rộng

B. Không gian là khoảng rộng mênh mông

C. Không gian

D. Không gian là khoảng rộng mênh mông, chứa đựng

Câu 77: Từ điền vào chỗ trống của câu: " *Môi hở ... lạnh* " là:

A. miệng.

B. răng.

C. gió.

D. buốt.

Câu 78: Câu thơ " *Kìa con b- ớm trắng chập chờn nh- mo*" trong bài thơ " *Về thăm nhà Bác*" (TV lớp 5 - tập 1) của Nguyễn Đức Mậu muốn nói lên điều gì?

A. Cảnh vật ở nhà bác đẹp nh- trong giấc mơ.

B. Con b- ớm trắng chập chờn bay l- ượn trong v- òn.

C. Cảnh vật ở nhà Bác rất yên tĩnh vắng lặng.

D. Con b- ớm trắng xuất hiện trong giấc mơ.

Câu 79: Trong các câu sau, câu nào không dùng để hỏi?

A. Bạn có khoẻ không

C. Bạn mạnh khoẻ quá nhỉ

B. Bạn mạnh khoẻ chứ

D. Sức khoẻ của bạn thế nào

Câu 80: Câu thành ngữ, tục ngữ nào d□ối đây nói về đức tính chăm chỉ?

A. Tay làm hàm nhai.

C. Đứng mũi chịu sào.

B. Thức khuya dậy sớm.

D. Chín bỏ làm m- ười.

Câu 81: Từ " *Ăn*" trong câu nào d□ối đây đ□ọc dùng với nghĩa gốc?

A. Mỗi bữa cháu bé ăn một bát cơm.

B. Em phải ngoan, không thì bố cho ăn đòn đấy.

C. Loại ô tô này ăn xăng lắm.

D. Tàu ăn hàng ở cảng.

Câu 82 Đoạn thơ sau có bao nhiêu tính từ:

Bao nhiêu công việc lặng thầm

Bàn tay của bé đỡ dần mẹ cha.

Bé học giỏi, bé nết na

Bé là cô Tấm, bé là con ngoan.

A. 2 tính từ.

B. 3 tính từ.

C. 4 tính từ.

D. 5 tính từ.

Câu 83: Dòng nào chỉ gồm các từ láy:

A. lẩn tẩn, long lanh, róc rách, mong ngóng.

B. Thênh thang, um tùm, lon ton, tập tễnh.

C. mênh mông, bao la, nhỏ nhẹ, lênh khênh.

D. mãi miết, xa xôi, xa lạ, v- ong vẩn.

Câu 84: Từ " *chạy*" trong câu nào đ□ọc dung theo nghĩa chuyển?

A. ở cự li **chạy** 100m, chị Lan luôn dẫn đầu.

B. Đánh kẻ **chạy** đi, không đánh kẻ **chạy** lại.

C. Hàng tết bán rất **chạy**.

D. Con đ- ồng mới mở **chạy** qua làng tôi.

Câu 85: Nghĩa nào đúng nhất cho thành ngữ : " *mang nặng đẻ đau*"?

A. Tình yêu th- ơng của mẹ đối với con cái.

B. Tình cảm biết ơn của con cái đối với công lao sinh thành của ng- ời mẹ.

C. Nỗi vất vả nhọc nhằn của ng- ời mẹ khi mang thai.

D. Công lao to lớn của ng- ời mẹ khi thai nghén, nuôi d- ỡng con cái.

Câu 86: Dòng nào chỉ các từ đồng nghĩa:

- A. Biểu đạt, diễn tả, lựa chọn, đồng đúc.
- B. Diễn tả, tập nập, nhọn nhíp, biểu thị.
- C. Biểu đạt, bày tỏ, trình bày, giải bày.
- D. Chọn lọc, trình bày, sàng lọc, kén chọn.

Câu 87 Chọn nhóm quan hệ từ thích hợp nhất điền vào dấu ba chấm trong câu sau: *...thời tiết không thuận nên lúa xấu.*

- A. Vì, nếu
- B. Nhờ, tại
- C. Do, nhờ
- D. Vì, do, tại

Câu 88 " Bạn có thể đưa tôi quyển sách được không" thuộc kiểu câu gì?

- A. Câu cầu khiến
- B. Câu hỏi có mục đích cầu khiến
- C. Câu hỏi
- d. Câu cảm

Câu 89 Câu tục ngữ, thành ngữ nào sau đây không đúng?

- A. Không thầy đố mày làm nên.
- B. Không biết thì học, muốn giỏi thì hỏi.
- C. Lá lành đùm lá rách.
- D. Có vào hang cọp mới bắt được cọp con.

Câu 90: Dòng nào chỉ gồm các từ láy:

- A. lãn lãn, long lanh, róc rách, mong ngóng.
ton, tập tễnh.
- B. Thênh thang, um tùm, lon
- C. mênh mông, bao la, nhỏ nhẹ, lênh khênh.
vấn.
- D. mãi miết, xa xôi, xa lạ, v-ong

Câu 91 Từ chạy trong câu nào được dùng theo nghĩa chuyển?

- A. ở cự li chạy 100m, chị Lan luôn dẫn đầu.
chạy lại.
- B. Đánh kẻ chạy đi, không đánh kẻ chạy lại.
- C. Hàng tết bán rất chạy.
làng tôi.
- D. Con đường mới mở chạy qua

Câu 92: Thành ngữ nào dưới đây nói về tinh thần dũng cảm?

- A- Chân lấm tay bùn.
- B- Vào sinh ra tử.
- C- Đi sớm về khuya.
- D- Chết đứng còn hơn sống quỳ.

Câu 93: Dòng nào có tiếng " nhân" không cùng nghĩa với tiếng " nhân" trong các từ còn lại?

- A-Nhân loại, nhân lực, nhân tài
ái
- B- Nhân hậu, nhân nghĩa, nhân
- C-Nhân công, nhân chứng, chủ nhân
quân nhân.
- D- Nhân dân, nhân, nhân vật,

Câu 94: Các từ: nhân hậu, nhân ái, nhân từ, nhân đức. Thuộc từ nào dưới đây?

- A. Từ đồng nghĩa
- B. Từ nhiều nghĩa
- C. Từ đồng âm
- D. Từ trái nghĩa.

Câu 95: Câu *Chiếc lá thoát vòng tròn, chú nhái bén loay hoay cố giữ thăng bằng rồi chiếc thuyền đồ thăm lạng lẽ xuôi dòng.* Có mấy vế câu?

- A. Có 1 vế câu
- B. Có 2 vế câu
- C. Có 3 vế câu
- D. Có 4 vế câu

Câu 96: Đọc bài "Thái sư Trần Thủ Độ" em thấy thái sư là một người như thế nào?

- A. Cư xử nghiêm minh với những kẻ mua quan bán tước.

- B. Không vì tình riêng mà xử sự trái phép nước.
- C. Nghiêm khắc với bản thân và với người khác trong công việc
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 97: Trong những hoạt động dưới đây, hoạt động nào sẽ phá hoại môi trường tự nhiên?

- A. Trồng cây gây rừng.
- B. Đốn cây rừng làm củi.
- C. Nạo vét lòng sông
- D. Làm sạch nước từ các nhà máy trước khi đổ ra sông.

Câu 98: Câu nào dưới đây là câu ghép?

- A. Vì mãi chơi, Dế Mèn chịu đói trong mùa đông.
- B. Nếu thời tiết thuận lợi thì vụ mùa này sẽ bội thu.
- C. Năm nay, em của Lan học lớp 3
- D. Trên cành cây, chim chóc hót líu lo.

Câu 99: Cặp quan hệ từ trong câu sau biểu thị quan hệ gì?

Hễ mẹ tôi có mặt ở nhà thì nhà cửa lúc nào cũng ngăn nắp, sạch sẽ.

- A. Quan hệ nguyên nhân – kết quả
- B. Quan hệ tương phản
- C. Quan hệ điều kiện – kết quả
- D. Quan hệ tăng tiến

Câu 100: Trong những câu sau câu nào dùng không đúng quan hệ từ?

- A. Tuy em phải sống xa bố mẹ từ nhỏ nên em rất nhớ thương bố.
- B. Mặc dù điểm Tiếng Việt của em thấp hơn điểm Toán nhưng em vẫn thích học Tiếng Việt.
- C. Cả lớp em đều gằn gỏi động viên Hoà dù Hoà vẫn mặc cảm, xa lánh cả lớp.
- D. Tuy mới khởi ốm nhưng Tú vẫn tích cực tham gia lao động.

Câu 101: Điền quan hệ từ thích hợp vào chỗ trống:

.....chúng tôi có cánh.....chúng tôi sẽ bay lên mặt trăng để cắm trại

- A. hễ- thì
- B. giá – thì
- C. nếu - thì
- D. tuy - nhưng

Câu 102: Trong bài “Chú đi tuần” em thấy người chiến sĩ đi tuần mong muốn điều gì cho các cháu thiếu nhi?

- A. Các cháu được ngủ yên.
- B. Các cháu học hành tiến bộ.
- C. Các cháu có một cuộc sống tốt đẹp trong tương lai.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 103: Điền cặp từ hô ứng thích hợp vào chỗ trống:

Tôi.....học nhiều, tôi.....thấy mình biết còn quá ít.

- A. nào - ấy
- b. chưa – đã
- C. càng – càng
- D. bao nhiêu – bấy nhiêu

Câu 104: Từ nào có tiếng *truyền* có nghĩa là trao lại cho người khác (thuộc thể hệ sau)?

- A. truyền thống
- B. truyền thanh
- C. lan truyền
- D. truyền ngôi

Câu 105: Trận này chưa qua, trận khác đã tới, ráo riết hung tợn hơn.

Câu ghép trên nói về câu bằng cách nào?

- A. Nói về câu bằng dấu phẩy.
- B. Nói về câu bằng quan hệ từ.
- C. Nói về câu bằng cặp quan hệ từ.
- D. Nói về câu bằng cặp từ hô ứng.

Câu 106: Dấu chấm có tác dụng gì?

- A. Dùng để kết thúc câu hỏi. B. Dùng để kết thúc câu cảm.
C. Dùng để kết thúc câu khiến. D. Dùng để kết thúc câu kể.

Câu 107: Dấu phẩy trong câu sau có tác dụng gì?

“Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh.”

- A. Ngăn cách bộ phận trạng ngữ với chủ ngữ và vị ngữ
B. Ngăn cách các vế câu trong câu ghép.
C. Ngăn cách các bộ phận cùng làm chủ ngữ trong câu.
D. Ngăn cách các bộ phận cùng làm vị ngữ trong câu.

Câu 108: Tên cơ quan, đơn vị nào dưới đây viết chưa đúng chính tả?

- A. Trường Mầm non Hoa Sen B. Nhà hát Tuổi trẻ
C. Viện thiết kế máy nông nghiệp D. Nhà xuất bản Giáo dục.

Câu 109: Đọc bài “Lớp học trên đường” em thấy Rê- mi học chữ trong hoàn cảnh như thế nào?

- A. Không có trường lớp để theo học.
B. Không có sách vở và các dụng cụ học tập bình thường.
C. Thầy giáo là cụ chủ một gánh xiếc rong.
D. Tất cả những hoàn cảnh đã nêu trên.

Câu 110: Từ ngữ nào dưới đây không dùng để chỉ đức tính của phái nữ?

- A. dịu dàng B. gan lì C. nhẫn nại D. duyên dáng

Câu 111: Từ nào không đồng nghĩa với từ “quyền lực”?

- A. quyền công dân B. quyền hạn C. quyền thế D. quyền hành

Câu 112: Từ nào không đồng nghĩa với từ *chăm chỉ*?

- A. chăm bẵm B. cần mẫn C. siêng năng D. chuyên cần

Câu 113: Làm thống kê có tác dụng như thế nào?

- A. Để báo cáo thành tích
B. Để tổng hợp tình hình.
C. Để nắm nhanh thông tin và đánh giá chính xác một sự việc, một vấn đề.
D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 114: Dấu thanh được đặt ở bộ phận nào của tiếng?

- A. Âm đầu B. Âm chính C. Âm đệm D. Âm cuối

Câu 115: Tiếng *bình* trong từ *hoà bình* có nghĩa là “*trạng thái yên ổn*”. Tiếng *bình* trong từ *quân* sau đây có nghĩa như vậy?

- A. bình nguyên B. thái bình C. trung bình D. bình quân

Câu 116: Từ *đồng âm* là những từ như thế nào?

- A. Giống nhau về âm, hoàn toàn khác nhau về nghĩa.
B. Giống nhau về nghĩa, hoàn toàn khác nhau về âm.
C. Giống nhau về âm. D. Giống nhau về nghĩa.

Câu 117: Câu tục ngữ nào dưới đây khuyên con người ta phải đoàn kết, hợp tác với nhau?

- A. Nước chảy, đá mòn
- B. Chết vinh còn hơn sống nhục.
- C. Cá không ăn muối các ươn
Con không nghe lời cha mẹ trăm đường con hư
- D. Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Câu 118: Ba câu thơ dưới đây sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

*Cả công trường say ngủ cạnh dòng sông
Những tháp khoan nhô lên trời ngẫm nghĩ
Những xe ủi, xe ben sóng vai nhau nằm nghỉ*

- A. Nhân hoá
- B. So sánh
- C. Vừa so sánh, vừa nhân hoá
- D. Đảo ngữ

Câu 119: Đọc đoạn thơ sau:

*Đứng giữa nhà mà cháy
Mà toả sáng xung quanh
Chỉ thương cây đèn ấy
Không sáng nổi chân mình.*

Dòng nào gồm tất cả các từ mang nghĩa chuyển trong bài thơ?

- A. đứng – nhà – cây
- B. đứng – nhà – chân
- C. đứng - cây – chân
- D. sáng – cây – chân

Câu 120: Từ nào chứa tiếng *mắt* mang nghĩa gốc?

- A. quả na mở *mắt*
- B. *mắt* em bé đen láy
- C. *mắt* bão
- D. dứa mới chín vài *mắt*

Câu 121: Dòng nào dưới đây chỉ có những tiếng chứa nguyên âm đôi?

- A. than, trước, sau, chuyên.
- B. đường, bạn, riêng, biển.
- C. chuyên, cuộc, kiến, nhiều.
- D. biển, quen, ngược, xuôi.

Câu 122: Thành ngữ *Hương đồng cỏ nội* có nghĩa là gì?

- A. Mùi của ruộng đồng
- B. Mùi của ruộng đồng và cỏ cây
- C. Cảnh vật và hương vị của làng quê nói chung.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 123: Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ *gọn gàng*?

- A. ngăn nắp
- B. lộn xộn
- C. bừa bãi
- D. cầu thả

Câu 124: Trong các từ sau đây, từ nào có tiếng *công* có nghĩa là *của chung, của nhà nước*?

- A. Công cụ
- B. Công trái
- C. Công nghiệp
- D. Công an

Câu 125: Từ ngữ nào dưới đây nói lên được truyền thống của dân tộc ta?

- A. tốt đẹp
- B. xấu xa
- C. ròng rã
- D. phì nhiêu

Câu 126: Thành ngữ nào dưới đây kết hợp được với từ *truyền thống*?

- A. Bối bèo ra bọt
- B. Lá lành đùm lá rách
- C. Châu chấu đá voi
- D. Nhặt như nước ốc

Câu 127: Từ nào sau đây viết đúng chính tả?

- A. Cọng rau muống
- B. Đòng ruộng
- C. Tiếng vọng
- D. Khí hoá lọng

Câu 128: Dòng nào dưới đây viết đúng quy tắc viết hoa?

- A. Huân chương Kháng chiến. B. Huân chương Lao Động
C. Huy chương chiến công giải phóng D. Huy chương vàng

Câu 129: Từ ngữ nào dưới đây đồng nghĩa với từ *trẻ em*?

- A. Cây bút trẻ B. Trẻ con C. Trẻ măng D. trẻ trung

Câu 130: Từ nào trong các từ sau không phải là từ láy?

- A. Vắng lặng B. nhanh nhẩu C. Chậm chạp D. Xinh xắn

Câu 131: Câu: “Trên sân trường, trong giờ ra chơi, học sinh lớp 5A nô đùa vui vẻ.” Chủ ngữ trong câu trên là?

- A. Trên sân trường B. trong giờ ra chơi C. học sinh D. học sinh lớp 5A

Câu 132: Từ ghép nào dưới đây được tạo ra từ các cặp tiếng có nghĩa trái ngược nhau?

- A. Nông hậu B. Đoàn kết C. Đỏ đen D. Nhân ái

Câu 133: Trong các câu sau, từ “ bản” trong câu nào là từ đồng âm?

- a. Con đ- ồng từ huyện lị vào bản tôi rất đẹp.
b. Phô tô cho tôi thành 2 bản nhé!
c. Làng bản, rừng núi chìm trong s- ơng mù.

Câu 134: Thành ngữ nào không đồng nghĩa với Một nắng hai s- ơng?

- a. Thức khuya dậy sớm. b. Cày sâu cuốc bẫm
c. Đầu tắt mắt tối d. Chân lấm tay bùn

Câu 136: Dấu gạch ngang trong câu sau có tác dụng gì?

- Em không thể nhận đ- ợc! Em không có tiền đâu th- a cô?
a. Đánh dấu những ý liệt kê.
b. Đánh dấu bộ phận giải thích
c. Đánh dấu những từ đứng sau là lời nói trực tiếp của nhân vật.

Câu 137: Dấu phẩy trong câu “ Anh bắt đầu nói khe khẽ, đều đều, không ngừng nghỉ.” có nhiệm vụ gì?

- a. Ngăn cách các vị ngữ b. Ngăn cách các vế câu ghép c. ngăn cách các chủ ngữ

Câu 138: Câu sau thuộc kiểu câu gì? (Màu đỏ của hoa đỗ quyên làm ta t- ỏnng nh- ỏ cây không biết mọc lá, cây không có lá bao giờ.)

- a. Ai thế nào? B. Ai làm gì? Ai là gì?

Câu 139: Các từ: xanh t- ỏ, hoa quả, đậm nhạt, t- ỏ đẹp thuộc kiểu cấu tạo gì?

- a. Từ ghép nghĩa tổng hợp b. từ láy c. Từ ghép có nghĩa phân loại

Câu 140: Hai câu: “ Vì bà mời Tình Yêu nên cả ba chúng tôi đều vào. Bởi vì ở đâu có Tình Yêu thì ở đó sẽ có Thành Công và Giàu Sang” liên kết với nhau bằng biện pháp gì?

- a. phép lặp và phép thế. b. Phép lặp và phép nối c. Phép thế, phép nối và phép lặp

Câu 141: Dấu hai chấm trong câu sau có tác dụng gì? “ Có quăng nắng xuyên xuống biển óng ánh đủ màu: xanh lá mạ, tím phớt, hồng, xanh biếc,....”

- a. liệt kê sự việc, sự vật b. báo hiệu lời giải thích

Câu 142: Dòng nào d- ới đây chỉ gồm các từ láy gợi tả hình ảnh?

- a. bập bùng, mênh mông, nhấp nhô, vui vẻ.
- b. nhộn nhịp, thoãn thoát, phành phạch.
- c. mênh mông, nhấp nhô, nhộn nhịp, thoãn thoát, bập bùng, rải rác.

Câu 143: Trong câu: “ Em áp tai vào thân cây xù xì, nhắm mắt lại để nghe tiếng gió thì thầm” từ ngữ nào là vị ngữ?

- a. áp tai vào thân cây xù xì
- b. nhắm mắt lại để nghe tiếng gió thì thầm
- c. Cả hai cụm từ đã nêu ở a và b.

PHIẾU 2

Câu 1

Trong bài " Chuỗi ngọc lam" (Tiếng Việt lớp 5 - tập I) cô bé mua chuỗi ngọc lam để tặng ai?

- A. Tặng chị B. Tặng mẹ C. Tặng bạn

Câu 2

Trong câu: “Dòng suối róc rách như pha lê, hát lên những bản nhạc dịu dàng.”, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

- A. So sánh B. So sánh và nhân hoá C. Nhân hoá

Câu 3

Xác định từ loại của từ được gạch chân trong câu văn sau:

“ Dù ông ta có một đồng cửa nhưng ông ta không thấy hạnh phúc.”

Câu 4

Thành ngữ nào dưới đây không nói về vẻ đẹp thiên nhiên:

- A. Non xanh nước biếc
B. Giang sơn gấm vóc
C. Sớm nắng chiều mưa

Câu 5

Trong hai câu văn sau:

- Nói không thành lời.
- Lễ lạt lòng thành.

Từ “thành” có quan hệ với nhau như thế nào?

- A. Nhiều nghĩa B. Đồng âm C. Đồng nghĩa

Câu 6

Từ nào không cùng nghĩa với các từ còn lại trong nhóm:

Bao la, mệnh mông, bát ngát, nghi ngút, bất tận.

Câu 7

Câu văn: “Một dải mây mỏng, mềm mại như một dải lụa trắng dài vô tận ôm ấp, quần ngang các chòm núi như quyền luyến, bịn rịn.” có sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

- A. Nhân hoá B. So sánh C. Nhân hoá và so sánh

Câu 8

Trong câu: “Chiếc cối xay lúa cũng có hai tai rất điệu.”, từ “tai” được dùng theo nghĩa gì?

Câu 9

Câu văn sau: “Chiều nào cũng vậy, con chim họa mi ấy không biết tự phương nào bay đến đậu trong bụi tầm xuân ở vườn nhà tôi mà hát.” là câu ghép đúng hay sai?

Câu 10

Trong hai câu văn sau:

- Trong vườn muôn hoa khoe sắc thắm.
- Mẹ em có rất nhiều hoa tay.

Từ “**hoa**” có quan hệ với nhau như thế nào?

- A. Từ đồng nghĩa B. Từ nhiều nghĩa C. Từ đồng âm

Câu 11

Chủ ngữ trong câu : "*Tiếng cá quẫy tung toẵng quanh mạn thuyền*" là:

- A. Tiếng cá
- B. Tiếng cá quẫy
- C. Tiếng cá quẫy tung toẵng

Câu 12

Trong câu "Món ăn này rất Việt Nam." từ "Việt Nam" là:

- A. Danh từ
- B. động từ
- C. Tính từ

Câu 13

Bởi chung bác mẹ tôi nghèo

Cho nên tôi phải bặm bèo thái khoai.

Cặp quan hệ từ trong câu thơ trên thuộc loại quan hệ nào?

- A. Nguyên nhân- kết quả
- B. Giả thiết- kết quả
- C. Điều kiện - kết quả

Câu 14

Trong những trường hợp sau, trường hợp nào không phải là từ láy ?

- A. Sự sống
- B. Âm thầm
- C. Lặng lẽ

Câu 15

Hai câu: "Mùa rau khúc kéo dài nhưng thời gian có rau ngon lại ngắn. Vào những ngày đó mặt ruộng lấp ló màu trắng bạc." liên kết với nhau bằng cách nào?

- A- lạp từ ngữ
- B- Thay thế từ ngữ
- C- Từ nối.

Câu 16

Dòng nào dưới đây đã viết đúng vị trí các dấu câu?

- A- Nơi đây, suốt ngày ánh nắng rừng rực, đổ lửa xuống mặt đất.
- B- Nơi đây, suốt ngày ánh nắng rừng rực đổ lửa, xuống mặt đất.
- C- Nơi đây, suốt ngày, ánh nắng rừng rực đổ lửa xuống mặt đất.

Câu 17

Dòng nào dưới đây gồm các từ đồng nghĩa với từ *tuyệt vời* ?

- A- Tuyệt trần, tuyệt mỹ, tuyệt đối
- B- Tuyệt trần, tuyệt diệu, đẹp đẽ
- C- Tuyệt diệu, tuyệt trần, tuyệt tác

Câu 18

Trong các câu sau, câu nào có từ "*đi*" được dùng với nghĩa chuyển ?

- A- Đi một ngày đàng, học một sàng khôn
- B- Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau.
- C- Sai một li, đi một dặm.

Câu 19

Câu : "Tiếng chân người chạy thành thịch." Có chủ ngữ là?

- A. Tiếng chân người
- B. Tiếng chân người chạy
- C. Tiếng chân

Câu 20

Trong câu ca dao:

*Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân*

Từ “*chân*” mang nghĩa gốc. Đúng hay sai?

Câu 21

Dòng nào sau đây chỉ gồm các từ láy:

- A. mảnh mai, mặn mà, mềm mỏng, mềm mại
- B. nhã nhặn, nhẹ nhàng, nhí nhảnh, nhỏ nhẹ
- C. thấp thoáng, thướt tha, thánh thót, gập ghềnh

Câu 22

Từ nào khác với các từ còn lại trong các từ dưới đây?

công dân, công nhân, công sở, công cộng.

Câu 23

Từ nào không thuộc nhóm các từ còn lại : véo von, thánh thót, lanh lảnh, âm ã, lom khom

Câu 24

Các câu trong đoạn văn sau được liên kết với nhau bằng cách nào: “ Hùng là một học sinh rất chăm chỉ. Cậu ta luôn dành hết thời gian ở nhà để học bài cũ và chuẩn bị bài mới. Bạn ấy đã đạt danh hiệu học sinh giỏi nhờ sự chăm chỉ của mình.”

Câu 25

Cô Chấm trong bài cô Chấm của tác giả Đào Vũ cô được ví với loài cây gì?

- A. Cây xương rồng .
- B. Cây hoa hồng
- C. Cây hoa lan

Câu 26

Tiếng đàn Ba la - lai - ca trèo sông đà được vang lên trong khoảng thời gian nào trong ngày ?

- A. Ban đêm.
- B. Ban ngày
- C. Cả đêm lẫn ngày

Câu 27

Cho các từ bóng bay, bóng bán, bóng bàn , bóng bẫy. Từ nào là từ láy:

- A. bóng bay
- B. bóng bàn
- C. bóng bẫy

Câu 28

Thành ngữ, tục ngữ nào dưới đây có chứa cặp từ trái nghĩa?

- A- Trên kính dưới nhường
- B- Buồn ngủ gặp chiếu manh
- C- Chó chê mèo lắm lông

Câu 29

Tìm từ khác trong dãy từ sau: Nhân hậu, trung thực, cần cù, trường học.

Đáp án: Trường học

Câu 30

Dòng nào dưới đây là nhóm từ đồng nghĩa?

- A- Lung linh, long lanh, lóng lánh, lấp lánh, lấp lánh.
- B- Vắng vẻ, hiu quạnh, hiu hắt, vắng ngắt, lung linh.
- C- Bao la, mênh mông, thênh thang, bát ngát, lấp lánh.

Câu 31

Quan hệ từ trong câu sau biểu thị mối quan hệ nào : “ Không chỉ mẹ tôi buồn mà bố tôi cũng rất buồn.”

A. Nguyên nhân - kết quả

B. Tăng tiến.

C. Nhượng bộ

Câu 32

Viết tên 2 con vật được nhắc tới trong bài " Hạt gạo làng ta" ?

Câu 33

Trong bài " Buôn Chư Lênh đón cô giáo " Y Hoa đã viết chữ gì?

PHIẾU 3

Bài 1: *Xác định từ đơn, từ ghép trong các câu sau :*

- Nụ hoa xanh màu ngọc bích.
 - Đồng lúa rộng mênh mông.
 - Tổ quốc ta vô cùng tươi đẹp.
-
-

Bài 2 : *Tìm các từ phức trong các kết hợp được in đậm dưới đây:*

Vườn nhà em có rất nhiều loài hoa : **hoa hồng , hoa cúc, hoa nhài**,...Màu sắc của hoa cũng thật phong phú : **hoa hồng, hoa vàng , hoa trắng ,...**

.....

Bài 3 : *Chép lại đoạn thơ sau rồi gạch 1 gạch dưới các từ phức:*

Em mơ làm mây trắng
Bay khắp nẻo trời cao
Nhìn non sông gấm vóc
Quê mình đẹp biết bao.

Bài 4 : *Chỉ ra từng từ đơn, từ phức trong đoạn thơ sau :*

Ơi quyen vở mới tinh
Em viết cho thật đẹp
Chữ đẹp là tính nét
Của những người trò ngoan.

.....

.....

Bài 5 : *Dùng gạch (/) tách từng từ trong các câu sau :*

Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng , cái đầu tròn và 2 con mắt long lanh như thủy tinh ...Bốn cánh chú khẽ rung rung như còn đang phân vân.

Bài 6 : *Gạch 1 gạch dọc giữa 2 từ đứng cạnh nhau trong đoạn văn sau:*

Trời nắng chang chang. Hoa ngô xơ xác như cỏ may. Lá ngô quắt lại, rủ xuống. Những bắp ngô đã mập và chắc chỉ chờ tay người đến bẻ mang về.

Bài 7 : *Gạch 1 gạch dưới những từ 2 tiếng trong đoạn văn sau :*

Trên quảng trường Ba Đình lịch sử, lăng Bác uy nghi và gần gũi. Cây và hoa khắp miền đất nước về đây tụ hội, đậm chồi , phô sắc và tỏa ngát hương thơm.

Bài 8 : *Dùng (/) tách các từ trong đoạn văn sau :*

Giữa vườn lá xum xuê , xanh mướt, còn ướt đẫm sương đêm, có một bông hoa rập rờn trước gió. Màu hoa đỏ thắm, cánh hoa mịn màng, khum khum úp sát vào nhau như còn chưa muốn nở hết. Đoá hoa tỏa hương thơm ngát.

Bài 9 :

Dùng (/) tách từng từ trong đoạn văn sau:

Mùa xuân đã đến. Những buổi chiều hửng âm, từng đàn chim én từ dãy núi đặng xa bay tới, lượn vòng trên những bến đò, đuổi nhau xập xè quanh những mái nhà cao thấp. Những ngày mưa phùn, người ta thấy trên những bãi soi dài nổi lên ở giữa sông, những con giang , con sếu coa gần bằng người, theo nhau lững thững bước thấp thoáng trong bụi mưa trắng xoá...

Bài 10: Tìm các từ đơn và từ phức trong các câu văn sau:

a) Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau. Cây nào cũng đẹp, cây nào cũng quý.

Nhưng thân thuộc nhất vẫn là tre nứa. Tre Đồng Nai, nứa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ.

b) Mùa xuân mong ước đã đến. Đầu tiên, từ trong vườn, mùi hoa hồng, hoa huệ sực nức bốc lên.

c) Mùa mưa xuân xôn xao, phơi phới,... Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi mà như nhảy nhót.

Bài 11 : Điền các tiếng thích hợp vào chỗ trống để có :

a) Các từ ghép :

- mềm
- xinh.....
- khoẻ.....
- mong....
- nhớ.....
- buồn.....

b) Các từ láy :

- mềm.....
- xinh.....
- khoẻ.....
- mong.....
- nhớ.....
- buồn.....

Bài 12 : Điền các tiếng thích hợp vào chỗ trống để có :

a) T.G.T.H

- nhỏ.....
- lạnh.....
- vui.....
- xanh...

b) T.G.P.L

- nhỏ.....
- lạnh.....
- vui.....
- xanh.....

c) Từ láy

- nhỏ.....
- lạnh.....
- vui.....
- xanh.....

Bài 13 : Hãy xếp các từ sau vào 3 nhóm : T.G.P.L ; T.G.T.H ; Từ láy :

Thật thà, bạn bè, bạn đường, chăm chỉ, gấn bó, ngoan ngoãn, giúp đỡ, bạn học, khó khăn, học hỏi, thành thật, bao bọc, quanh co, nhỏ nhẹ.

T.G.T.H.....

T.G.P.L.....

Từ láy

Bài 14 : Phân các từ phức dưới đây thành 2 loại : T.G.T.H và T.G.P.L :

Bạn học, bạn hữu, bạn đường, bạn đời, anh em, anh cả, em út , chị dâu, anh rể, anh chị, ruột thịt, hoà thuận , thương yêu.

T.G.T.H.....

T.G.P.L.....

Bài 15 : Cho những kết hợp sau :

Vui mừng, nụ hoa, đi đứng, cong queo, vui lòng, san sẻ, giúp việc, chợp búa, ồn ào, uống nước, xe đạp, thần lẩn, tia lửa, nước uống, học hành, ăn ở, tươi cười.

Hãy xếp các kết hợp trên vào từng nhóm : Từ ghép có nghĩa tổng hợp, từ ghép có nghĩa phân loại, từ láy, kết hợp 2 từ đơn.

Bài 16: “ Tổ quốc” là 1 từ ghép gốc Hán (từ Hán Việt). Em hãy :

- Tìm 4 từ ghép trong đó có tiếng “ tổ ”.
- Tìm 4 từ ghép trong đó có tiếng “ quốc ”.

Bài 17 : Tìm 5 từ láy để miêu tả bước đi, dáng đứng của người. Đặt câu với mỗi từ tìm được.

Bài 18 : Em hãy tìm :

- 3 thành ngữ nói về việc học tập.
- 3 thành ngữ (tục ngữ) nói về tình cảm gia đình.

Bài 19 : Tìm các từ tượng hình, tượng thanh thích hợp điền vào chỗ trống :

- | | | |
|----------------------|------------|------------|
| - hang sâu | - cười... | - rộng.... |
| - vực sâu.... | - nói... | - dài.... |
| - cánh đồng rộng.... | - gáy... | - cao.... |
| - con đường rộng... | - thổi.... | - thấp... |

Bài 20: Tìm 4 từ ghép có tiếng “ **thom** ” đứng trước, chỉ mức độ thom khác nhau của hoa, Phân biệt nghĩa của các từ này.

Bài 21 : Giải nghĩa các thành ngữ , tục ngữ sau :

- Ở hiền gặp lành.
- Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.
- Ăn vóc học hay.
- Học thầy không tày học bạn.
- Học một biết mười.
- Máu chảy ruột mềm.

Bài 22: Điền những từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành các thành ngữ :

- | | |
|------------------|----------------|
| - Chậm như..... | - Ăn như |
| - Nhanh như..... | - Nói như |
| - Nặng như..... | - Khoẻ như ... |
| - Cao như..... | - Yếu như ... |
| - Dài như..... | - Ngọt như ... |
| - Rộng như.... | - Vững như ... |

Bài 23: Cho các từ sau:

Bác sĩ, nhân dân, hi vọng, thước kẻ, sấm, văn học, cái, thợ mỏ, mơ ước, xe máy, sóng thần, , chiếc, bàn ghế, gió mùa, xã, huyện, phần khởi, tự hào, mong muốn, truyền thống, hoà bình.

a) xếp các từ trên vào 2 loại : DT và không phải DT

b) Xếp các DT tìm được vào các nhóm : DT chỉ người, DT chỉ vật, DT chỉ hiện tượng, DT chỉ khái niệm, DT chỉ đơn vị.

Bài 24 : Tìm chỗ sai trong các câu sau và sửa lại cho đúng :

- Bạn Vân đang nấu cơm nước.
- Bác nông dân đang cày ruộng nương.
- Mẹ cháu vừa đi chợ búa.
- Em có một người bạn bè rất thân.

Bài 25 :

Cho các từ : **cánh đồng, tình thương, lịch sử**. Hãy đặt thành 2 câu (với mỗi từ) sao cho trong 2 câu đó mỗi từ nằm ở 2 bộ phận chính khác nhau.

Bài 26 : Xác định từ loại của những từ được gạch chân dưới đây :

- Anh ấy đang suy nghĩ.

- Những **suy nghĩ** của anh ấy rất sâu sắc.....
- Anh ấy sẽ **kết luận** sau.....
- Những **kết luận** của anh ấy rất chắc chắn.....
- Anh ấy **ước mơ** nhiều điều.....
- Những **ước mơ** của anh ấy thật lớn lao.....

Bài 27 : Các từ gạch chân trong từng câu dưới đây bổ sung ý nghĩa gì cho ĐT đứng trước nó :

- Tuy rét **vẫn** kéo dài nhưng mùa xuân **đã** đến.
- Những cành cây **đang** trổ lá, lại **sắp** bung toả những tán hoa.

Bài 28 :Xác định từ loại của các từ trong các thành ngữ :

- Đi ngược về xuôi.
- Nhìn xa trông rộng.
- nước chảy bèo trôi.

Bài29 :Xác định DT, ĐT, TT của các câu sau :

- Bốn mùa một sắc trời riêng đất này.
- Non cao gió dựng sông đầy nắng chang.
- Họ đang ngược Thái Nguyên, còn tôi xuôi Thái Bình.
- Nước chảy đá mòn.

Bài 30:Xác định từ loại của những từ sau :

Niềm vui, vui tươi, vui chơi, tình thương, yêu thương, đáng yêu.

Bài31 :Xác định từ loại của những từ sau :

Sách vở, kiên nhẫn, kỉ niệm, yêu mến, tâm sự, lo lắng, xúc động, nhớ, thương, lễ phép, buồn , vui, thân thương, sự nghi ngờ, suy nghĩ, cái đẹp, cuộc vui, con giận dữ, triu mến, nỗi buồn.

Đại từ - Đại từ xưng hô (Tuần 9, Tuần 11- Lớp 5):

Bài 32: Xác định chức năng ngữ pháp của đại từ tôi trong từng câu dưới đây :

- Tôi đang học bài thì Nam đến.....
- Người được nhà trường biểu dương là tôi.....
- Cả nhà rất yêu quý tôi.....
- Anh chị tôi đều học giỏi.....
- Trong tôi, một cảm xúc khó tả bỗng trào dâng.....

Bài 33 :Tìm đại từ trong đoạn hội thoại sau , nói rõ từng đại từ thay thế cho từ ngữ nào :

Trong giờ ra chơi , Nam hỏi Bắc :

- Bắc ơi, hôm qua bạn được mấy điểm môn Tiếng Anh ? (câu 1)
- Tớ được điểm 10, còn cậu được mấy điểm ?- Bắc nói. (câu 2)
- Tớ cũng thế. (câu 3)

Bài 34 :Đọc các câu sau :

Sóc nhảy nhót chuyền cảnh thế nào ngã trúng ngay vào Chó Sói đang ngủ. Chó Sói choàng dậy tóm được Sóc, định ăn thịt, Sóc bèn van xin :

- Xin ông thả cháu ra.

Sói trả lời :

-Thôi được, ta sẽ thả mày ra. Có điều mày hãy nói cho ta hay , vì sao họ nhà Sóc chúng mày lúc nào cũng vui vẻ như vậy ?

(Theo Lép Tôn- xtôi).

- a) Tìm đại từ xưng hô trong các câu trên.
- b) Phân các đại từ xưng hô trên thành 2 loại :
 - Đại từ xưng hô điển hình.
 - Danh từ lâm thời làm đại từ xưng hô.

Bài 35 : *Thay thế các từ hoặc cụm từ cần thiết bằng đại từ thích hợp để câu văn không bị lặp lại :*

- a) Một con quạ khát nước, con quạ tìm thấy một cái lọ.
- b) Tấm đi qua hồ, Tấm vô ý đánh rơi một chiếc giày xuống nước.
- c) - Nam ơi ! Cậu được mấy điểm ?
 - Tớ được 10 điểm. Còn cậu được mấy điểm ?
 - Tớ cũng được 10 điểm.

PHIẾU 4

Quan hệ từ (QHT)

a) Ghi nhớ :

- QHT là từ nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa những từ ngữ hoặc những câu ấy với nhau.

- Các QHT thường dùng là : **và, với, hay, hoặc, nhưng, mà, thì, của, ở, tại, bằng, như, để, về...**

- Nhiều khi, từ ngữ trong câu được nối với nhau bằng 1 cặp QHT. Các cặp QHT thường dùng là :

+ **Vì...nên...; Do...nên...; Nhờ ...nên...** (biểu thị quan hệ nguyên nhân- kết quả).

+ **Nếu ...thì...; Hễ... thì...** (biểu thị quan hệ giả thiết, điều kiện - kết quả).

+ **Tuy ...nhưng...; Mặc dù... nhưng...** (biểu thị quan hệ tương phản, nhượng bộ, đối lập).

+ **Không những... mà còn...; Không chỉ... mà còn...** (biểu thị quan hệ tăng tiến).

Bài 36 : *Tìm QHT và cặp QHT trong đoạn trích sau và nêu rõ tác dụng của chúng :*

Cò và Vạc là hai anh em, nhưng tính nết rất khác nhau. Cò ngoan ngoãn, chăm chỉ học tập, còn Vạc thì lười biếng, suốt ngày chỉ nằm ngủ. Cò bảo mãi mà Vạc chẳng nghe. Nhờ chăm chỉ siêng năng nên Cò học giỏi nhất lớp.

Bài 37 : *Chọn từ ngữ thích hợp trong các từ sau để điền vào chỗ trống trong từng câu : nhưng, còn, và, hay, nhờ.*

- Chỉ ba tháng sau,.....siêng năng, cần cù, cậu vượt lên đầu lớp.
- Ông tôi đã già.....không một ngày nào ông quên ra vườn.
- Tám rất chăm chỉ.....Cám thì lười biếng.
- Mình cảm lái.....cậu cảm lái ?
- Mây tan mưa tạnh dần.

Bài 38 : *Đặt câu với mỗi QHT sau : của, để, do, bằng, với, hoặc.*

Bài 39 : *Hãy đặt 4 câu trong đó có sử dụng 4 cặp QHT dùng để biểu thị quan hệ :*

- Nguyên nhân- kết quả.....
- Điều kiện (giả thiết) - kết quả.....
- Nhượng bộ (đối lập, tương phản).....
- Tăng tiến.....

Từ đồng nghĩa (TĐN):

a) Ghi nhớ :

* **TĐN** là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau . Có thể chia TĐN thành 2 loại :

- **TĐN hoàn toàn (đồng nghĩa tuyệt đối)** : Là những từ có nghĩa hoàn toàn giống nhau, được dùng như nhau và có thể thay thế cho nhau trong lời nói.

V.D : *xe lửa = tàu hoả*
 con lợn = con heo

- **TĐN không hoàn toàn (đồng nghĩa tương đối , đồng nghĩa khác sắc thái)** : Là các từ tuy cùng nghĩa nhưng vẫn khác nhau phần nào sắc thái biểu cảm (biểu thị cảm xúc , thái độ) hoặc cách thức hành động. Khi dùng những từ này,ta phải cân nhắc lựa chọn cho phù hợp .

V.D: Biểu thị mức độ, trạng thái khác nhau : *cuồn cuộn, lăn tăn, nhấp nhô*,...(chỉ trạng thái chuyển động, vận động của sóng nước)

- + **Cuồn cuộn** : hết lớp sóng này đến lớp sóng khác, dồn dập và mạnh mẽ.
- + **Lăn tăn** : chỉ các gợn sóng nhỏ, đều, chen sát nhau trên bề mặt.
- + **Nhấp nhô** : chỉ các đợt sóng nhỏ nhô lên cao hơn so với xung quanh.

Bài 40 :*Phân biệt sắc thái nghĩa của những từ đồng nghĩa (được gạch chân) trong các dòng thơ sau :*

- a- TRời thu **xanh ngắt** mấy tầng cao. (Nguyễn Khuyến)
- b- Tháng Tám mùa thu **xanh thắm**. (Tố Hữu)
- c- Một vùng cỏ mọc **xanh rì**. (Nguyễn Du)
- d- Nhớ từ sóng Hạ Long **xanh biếc**. (Chế Lan Viên)
- e- Suối dài **xanh mướt** nương ngô. (Tố Hữu)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 41 :*Gạch chân dưới từ không cùng nhóm với các từ còn lại :*

- a) **Tổ tiên, tổ quốc, đất nước, giang sơn, sông núi, nước nhà, non sông, nước non, non nước.**
- b) **Quê hương, quê quán, quê cha đất tổ, quê hương bản quán, quê mùa, quê hương xứ sở,nơi chôn rau cắt rốn.**

Bài 42 :*Tìm từ lạ trong dãy từ sau và đặt tên cho nhóm từ còn lại :*

- a) **Thợ cấy, thợ cày, thợ rèn, thợ gặt, nhà nông, lão nông, nông dân.**
- b) **Thợ điện, thợ cơ khí, thợ thủ công, thủ công nghiệp,thợ hàn, thợ mộc,thợ nề, thợ nguội.**
- c) **Giáo viên, giảng viên, giáo sư, kĩ sư, nghiên cứu, nhà khoa học, nhà văn, nhà báo.**

.....

.....
.....
.....
Bài 43 : Chọn từ ngữ thích hợp nhất trong các từ sau để điền vào chỗ trống : **im lìm, vắng lặng, yên tĩnh.**

Cảnh vật trưa hè ở đây, cây cối đứng....., không gian.....
.....không một tiếng động nhỏ.

Bài 44 : Tìm các từ ghép được cấu tạo theo mẫu :

- a) **Thợ** + X.....
- b) X + **viên**.....
- c) **Nhà** + X.....
- d) X + **sĩ**.....

Bài 45 : Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh từng câu dưới đây :

- a) Câu văn cần được (**đẽo, gọt, gọt giữa, vót, bào**) cho trong sáng và súc tích
 - b) Trên sân trường, mấy cây phượng vĩ nở hoa (**đỏ au, đỏ bừng, đỏ dẫn, đỏ hoe, đỏ gay, đỏ chói, đỏ quạch, đỏ tía, đỏ ửng**).
 - c) Dòng sông chảy rất (**hiền hoà, hiền lành, hiền từ, hiền hậu**) giữa hai bờ xanh mượt lúa ngô.
-
.....
.....

Bài 46 : Tìm và điền tiếp các từ đồng nghĩa vào mỗi nhóm từ dưới đây và chỉ ra nghĩa chung của từng nhóm :

- a) **Cắt, thái,**
 - b) **To, lớn,**.....
 - c) **Chăm, chăm chỉ,**.....
- a) Nghĩa chung :
 - b) Nghĩa chung :
 - c) Nghĩa chung :

Bài 47 : Dựa vào nghĩa của tiếng “**hoà**”, chia các từ sau thành 2 nhóm, nêu nghĩa của tiếng “**hoà**” có trong mỗi nhóm :

Hoà bình, hoà giải, hoà hợp, hoà mình, hoà tan, hoà tấu, hoà thuận, hoà vốn.

.....
.....
.....

Bài 48 : Chọn từ ngữ thích hợp nhất (trong các từ ngữ cho sẵn ở dưới) để điền vào từng vị trí trong đoạn văn miêu tả sau :

Mùa xuân đã đến hẳn rồi, đất trời lại một lần nữa, tất cả những gì sống trên trái đất lại vươn lên ánh sáng mà....., nảy nở với một sức mạnh khôn cùng. Hình như từng kẽ đá khô cũng..... vì

một lá cỏ non vừa , hình như mỗi giọt khí trời cũng..... , không lúc nào yên vì tiếng chim gáy, tiếng ong bay.

(theo Nguyễn Đình Thi)

(1): *tái sinh, thay da đổi thịt, đổi mới, đổi thay, thay đổi, khởi sắc, hồi sinh .*

(2): *sinh sôi, sinh thành, phát triển, sinh năm đẻ bảy .*

(3): *xôn xang, xao động, xao xuyến, bồi hồi, băng không, chuyển mình, cựa mình, chuyển động.*

(4): *bật dậy, vươn cao, xoè nở. nảy nở, xuất hiện, hiển hiện .*

(5): *lay động, rung động, rung lên, lung lay.*

Bài 49: *Tìm những từ cùng nghĩa chỉ màu đen để điền vào chỗ trống trong các từ dưới đây*

Bảng..... ; vãi..... ; gạo..... ; đũa..... ; mắt..... ; ngựa..... ; chó.....

Từ trái nghĩa (Tuần 4- lớp 5

a) Ghi nhớ :

- Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau.

- Việc đặt các từ trái nghĩa bên cạnh nhau có tác dụng làm nổi bật những sự vật, sự việc, hoạt động, trạng thái,.... đối lập nhau.

***Xem thêm :** Một từ có thể có nhiều từ trái nghĩa với nó, tùy theo từng lời nói hoặc câu văn khác nhau.

Sự đối lập về nghĩa phải đặt trên một cơ sở chung nào đó.

VD : Với từ “*nhạt*” :

- (muối) *nhạt* > < *mặn* : cơ sở chung là “*độ mặn*”

- (đường) *nhạt* > < *ngọt* : cơ sở chung là “*độ ngọt*”

- (tình cảm) *nhạt* > < *đằm thắm* : cơ sở chung là “*mức độ tình cảm*”

- (màu áo) *nhạt* > < *đậm* : cơ sở chung là “*màu sắc*”.

Bài 50: *Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau :*

thật thà, giỏi giang, cứng cỏi, hiền lành, nhỏ bé, nông cạn, sáng sủa, thuận lợi, vui vẻ, cao thượng, cẩn thận, siêng năng, nhanh nhẩu, đoàn kết, hoà bình.

Bài 51 : *Đặt 3 câu với 3 cặp từ trái nghĩa ở BT1.*

Bài 52 : *Với mỗi từ gạch chân dưới đây, hãy tìm một từ trái nghĩa :*

a) *Già* : - Quả già.....

- Người già.....

- Cây già.....

b) *Chạy* : - Người chạy.....

- Ôtô chạy.....

- Đồng hồ chạy.....

- c) **Chín** : - Lúa **chín**.....
 - Thịt luộc **chín**.....
 - Suy nghĩ **chín chắn**.....

Bài 53: Tìm 3 cặp từ trái nghĩa nói về việc học hành. Hãy đặt một câu với một trong 3 cặp từ trái nghĩa đó.

.....

Từ đồng âm (Tuần 5 - lớp 5):

a) Ghi nhớ :

- Từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh (thường là chữ viết giống nhau, đọc giống nhau) nhưng khác hẳn nhau về nghĩa.

- Muốn hiểu được nghĩa của các từ đồng âm, cần đặt các từ đó vào lời nói hoặc câu văn cụ thể .

- **Dùng từ đồng âm để chơi chữ** : Là dựa vào hiện tượng đồng âm, tạo ra những câu nói có nhiều nghĩa, gây những bất ngờ thú vị cho người đọc, người nghe.

b) Bài tập thực hành :

Bài 54 : Phân biệt nghĩa của những từ đồng âm trong các cụm từ sau :

a) **Đậu tương**.....

- **Đất lành chim đậu**

- **Thi đậu**

b) **Bò kéo xe**.....

- **2 bò gạo**.....

- **cua bò**

c) **Sợi chỉ**

- **chiều chỉ**.....

- **chỉ đường**.....

- **chỉ vàng**.....

Bài 55 : Với mỗi từ , hãy đặt 2 câu để phân biệt các từ đồng âm : **chiều, kén, mọc**.

***Đáp án :**

.....

Bài 56 : Với mỗi từ , hãy đặt 1 câu để phân biệt các từ đồng âm : **Giá, đậu, bò ,kho, chín**.

.....

Bài 57:

Diễn đạt lại từng câu dưới đây cho rõ nghĩa hơn :

a) **Đầu gối đầu gối.**

b) **Vôi tôi tôi tôi.**

Từ nhiều nghĩa: (Tuần 7 - lớp 5)

a) Ghi nhớ :

* **Từ nhiều nghĩa** là từ có 1 nghĩa gốc và một hay một số nghĩa chuyển. Các nghĩa của từ bao giờ cũng có mối liên hệ với nhau.

(Xem thêm :

- Một từ nhưng có thể gọi tên nhiều sự vật , hiện tượng, biểu thị nhiều khái niệm (về sự vật, hiện tượng) có trong thực tế thì từ ấy gọi là từ nhiều nghĩa.

VD1 :

Xe đạp : chỉ loại xe người đi, có 2 bánh, dùng sức người đạp cho quay bánh. Đây là nghĩa duy nhất của từ xe đạp. Vậy từ **xe đạp** là từ chỉ có một nghĩa .

VD2 : Vói từ “Ăn**”:**

- **Ăn cơm** : cho vào cơ thể thức nuôi sống (nghĩa gốc).
- **Ăn cưới** : Ăn uống nhân dịp cưới.
- **Da ăn nắng** :Da hấp thụ ánh nắng cho thấm vào , nhiễm vào.
- **Ăn ảnh** : Vẻ đẹp được tôn lên trong ảnh.
- **Tàu ăn hàng** : Tiếp nhận hàng để chuyên chở.
- **Sông ăn ra biển** : Lan ra, hướng đến biển.
- **Sơn ăn mất** : Làm huỷ hoại dần từng phần.

Như vậy, từ “**Ăn**” là một từ nhiều nghĩa .

***Nghĩa đen** : Mỗi từ bao giờ cũng có một nghĩa chính , nghĩa gốc và còn gọi là nghĩa đen. Nghĩa đen là nghĩa trực tiếp, gần gũi, quen thuộc, dễ hiểu ; nghĩa đen không hoặc ít phụ thuộc vào văn cảnh.

* **Nghĩa bóng** : Là nghĩa có sau (nghĩa chuyển, nghĩa ẩn dụ), được suy ra từ nghĩa đen. Muốn hiểu nghĩa chính xác của một từ được dùng, phải tìm nghĩa trong văn cảnh.

- Ngoài ra , cũng có một số từ mang tính chất trung gian giữa nghĩa đen và nghĩa bóng, đang chuyển dần từ nghĩa đen sang nghĩa bóng.

VD : - Tôi đi sang nhà hàng xóm.

Đi : (Người) tự di chuyển từ nơi này đến nơi khác , không kể bằng cái gì. Nghĩa này của từ **đi** không hoàn toàn giống nghĩa đen (hoạt động của 2 bàn chân di chuyển từ nơi này đến nơi khác). Nhưng nó vẫn có mối quan hệ với nghĩa đen (di chuyển từ nơi này đến nơi khác). Gặp những trường hợp này, ta cũng xếp là từ mang nghĩa bóng (nghĩa chuyển))

*** Lưu ý :**

Khi làm những bài tập về giải nghĩa từ, các em cần mô tả chính xác khái niệm được từ hiển thị.

VD : - Bãi biển : Bãi cát rộng, bằng phẳng ở ven biển.sát mép nước.

- **Tâm sự** : Thổ lộ tâm tư thâm kín của mình với người khác.

- **Bát ngát** : Rộng và xa đến mức nhìn như không thấy giới hạn.

Tuy nhiên, đôi khi cũng có thể giải thích một cách nôm na, mộc mạc nhưng cũng vẫn phải đúng nghĩa .

VD :

- **Tổ quốc** : Đất nước mình.
- **Bài học** : Bài HS phải học.
- **Bãi biển** : Bãi cát ở vùng biển .
- **Bà ngoại** : Người sinh ra mẹ .
- **Kết bạn** : Làm bạn với nhau.

Bài 58 : Dùng các từ dưới đây để đặt câu (một câu theo nghĩa gốc, một câu theo nghĩa chuyển) : **nhà, đi, ngọt**.

.....

.....

.....

Bài 59: Hãy xác định nghĩa của các từ được gạch chân trong các kết hợp từ dưới đây rồi phân chia các nghĩa ấy thành nghĩa gốc và nghĩa chuyển :

a) Miêng cười tươi , miêng rộng thì sang, há miêng chờ sung, trả nợ miêng, miêng bát, miêng túi, nhà 5 miêng ăn .

b) Xương swòn, swòn núi, hích vào swòn, swòn nhà , swòn xe đạp, hở swòn, đánh vào swòn địch .

.....

.....

.....

Bài 60 : Trong các từ gạch chân dưới đây, từ nào là từ đồng âm, từ nào là từ nhiều nghĩa :

a) **Vàng** :

- Giá vàng trong nước tăng đột biến

.....

- Tấm lòng vàng

- Chiếc lá vàng rơi xuống sân trường

.....

b) **Bay** :

- Bác thợ nề đang cầm **bay** trát tường.....

- Đàn cò đang **bay** trên trời

.....

- Đạn **bay** vèo vèo

.....

- Chiếc áo đã **bay** màu

.....

Bài 61 : Với mỗi từ dưới đây của một từ, em hãy đặt 1 câu :

- a) **Cân** (là DT, ĐT, TT)
- b) **Xuân** (là DT, TT)

Bài 62 : Cho các từ ngữ sau :

Đánh trống, đánh giày, đánh tiếng, đánh trống , đánh đàn, đánh cá, đánh răng, đánh bức điện, đánh bẫy.

- a) Xếp các từ ngữ trên theo các nhóm có từ đánh cùng nghĩa với nhau.
- b) Hãy nêu nghĩa của từ đánh trong từng nhóm từ ngữ đã phân loại nói trên

CÂU

.1. Ghi nhớ :

Câu do từ tạo thành và diễn đạt được một ý trọn vẹn. Nói và viết phải thành câu thì người khác mới hiểu được .

2. Bài tập thực hành :

Bài 63 : Trong những dòng sau đây, dòng nào viết chưa thành câu, hãy sửa lại cho thành câu hoàn chỉnh :

- a- Ngày khai trường
- b- Bác rất vui lòng
- c- Cái trống trường em
- d- Trên mặt nước loang loáng như gương
- e- Những cô bé ngày nào nay đã trở thành

Bài 64: Xếp các từ sau thành câu theo các cách khác nhau :

- a) chim, trên, hót, ríu rít, cây.
- b) Đồ Sơn, ở, rất, em, thích, nghỉ ,hè.

Bài 65 : Đặt câu với mỗi từ sau : **Xum xuê, rập rờn, ngập ngừng, long lanh, sóng sánh.**

Bài 66 : Viết tiếp 3 câu để thành đoạn :

- a- Hôm nay là ngày khai trường...
- b- Thế là mùa xuân đã về...

Bài 69 : Hãy chỉ ra chỗ sai của những câu văn sau rồi sửa lại bằng 2 cách :

a) *Bông hoa đẹp này.*

b) *Con đê in một vệt ngang trời đỏ.*

c) *Những con chim chào mào liến thoắng gọi nhau loách choách ấy.*

Bài 70 : *Các câu văn sau thiếu bộ phận chính nào ? Hãy sửa lại bằng 2 cách :*

a) Khi em nhìn thấy ánh mắt trìu mến ,thương yêu của Bác.

b) Những đợt sóng nhẹ nhẹ liếm trên bãi cát ấy.

c) Một hôm, chích bông đang đậu trên một cành cây nhỏ.

d) Truyện Hươu và Rùa người xưa đã cho chúng ta thấy tình bạn giữa Hươu và Rùa rất đẹp.

e) Qua câu truyện Hươu và Rùa đã cho chúng ta thấy tình bạn tuyệt vời giữa Hươu và Rùa.

Bài 71 : *Tìm CN, VN và TN của những câu văn sau :*

a) Vào một đêm cuối xuân 1947, khoảng 2 giờ sáng, trên đường đi công tác, Bác Hồ

đến nghỉ chân ở một nhà ven đường .

b) Ngoài suối , trên mấy cành cây cao, tiếng chim, tiếng ve cất lên inh ỏi, râm ran.

Bài 72 : *Tìm CN, VN của các câu sau :*

a) Suối chảy róc rách.

b) Tiếng suối chảy róc rách.

c) Sóng vỗ loong boong trên mạn thuyền.

d) Tiếng sóng vỗ loong boong trên mạn thuyền.

e) Tiếng mưa rơi lộp độp , tiếng mọi người gọi nhau í ới .

f) Mưa rơi lộp độp, mọi người gọi nhau í ới .

g) Con gà to, ngon.

h) Con gà to ngon.

i) Những con voi về đích trước tiên hươu vùi chào khán giả.

j) Những con voi về đích trước tiên, hươu vùi chào khán giả .

k) Những con chim bông biển trong suốt như thủy tinh lăn tròn trên những con sóng.

l) Những con chim bông biển trong suốt như thủy tinh, lăn tròn trên những con sóng.

m) Mấy chú dế bị sặc nước ,loạng choạng bò ra khỏi tổ .

n) Mấy chú dế bị sặc nước loạng choạng bò ra khỏi tổ.

o) Chim hút lú lo. Nắng bốc hương hoa trầm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan xa, phảng phất khắp rừng.

p) Sách vở của con là vũ khí. Lốp học của con là chiến trường.

Bài 73 : *Tìm CN, VN, TN của những câu sau :*

a) Trên những ruộng lúa chín vàng, bóng áo chàm và nón trắng nhấp nhô, tiếng nói ,
tiếng cười rộn ràng ,vui vẻ.

b) Hoa lá, quả chín ,những vạt nấm ẩm ướt và con suối chảy thầm dưới chân đua nhau tỏa hương.

c) Ngay thềm lăng, mười tám cây vạn tuế tượng trưng cho một đoàn quân danh dự đứng trang nghiêm.

Bài 74 : *Hãy xác định bộ phận song song trong câu b) của BT3 và nói rõ chúng giữ chức vụ gì trong câu.*

Bài 75:

Chuyển các cặp câu sau thành 1 câu (có BPSS) để cách diễn đạt ngắn gọn hơn.

- Buổi sáng, đường phố đông vui, nhộn nhịp./ Buổi chiều, đường phố đông vui, nhộn nhịp.

- Sáng nay, lớp 5A lao động./ Sáng nay, lớp 5B lao động.

- Vịnh Hạ Long là một thắng cảnh đẹp của đất nước.

- Sa Pa là một thắng cảnh đẹp của đất nước.

Bài 76 : *Gọi tên các bộ phận được gạch chân trong các câu sau :*

a) Ở Vinh, tôi được nghỉ hè.

b) Tôi được nghỉ hè ở Vinh.

Bài 77 : *Tìm ĐN, BN trong các câu văn sau :*

a) Tất cả HS lớp 5A lao động ngoài vườn trường.

b) Ngay thêm lãng, mười tám cây vạn tuế đứng trang nghiêm.

Bài 78 : *Đặt câu theo cấu trúc sau :*

a) TN, TN, CN - VN.

b) TN, CN, CN – VN.

c) TN, CN- VN, VN.

d) TN, TN, TN, CN – VN.

e) TN, TN, CN, CN, - VN, VN.

Bài 79 : *Chỉ ra chỗ sai của các câu sau rồi sửa lại cho đúng :*

a) Bạn Lan học và ngoan.

b) Bây giờ ta đi chơi hay là chăm chỉ học?

c) Cô gái đó vừa xinh vừa học kém.

Bài 80 : *Mở rộng các câu sau bằng cách thêm ĐN, BN cho nòng cốt câu :*

a) Mây

trôi.....

b) Hoa

nở.....

Bài 81:

Với mỗi loại trạng ngữ sau đây, hãy đặt 1 câu : *TN chỉ nơi chốn, TN chỉ nguyên nhân, TN chỉ thời gian, TN chỉ mục đích, TN chỉ phương tiện.*

Các kiểu câu : *(Chia theo mục đích nói):*

Dựa vào mục đích nói, người ta chia câu thành các kiểu câu: *Câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm.*

1.Câu hỏi: (Tuần 13- Lớp 4)

A) Ghi nhớ:

- Câu hỏi (còn gọi là câu nghi vấn) dùng để hỏi về những điều chưa biết.

- Phần lớn câu hỏi là để hỏi người khác, nhưng cũng có câu hỏi dùng để tự hỏi mình.

- Câu hỏi thường có các từ nghi vấn: **ai, gì, nào, sao, không**,... Khi viết, cuối câu hỏi phải có dấu chấm hỏi.

B) Bài tập thực hành:

Bài 1: Đặt câu hỏi cho từng bộ phận được gạch chân sau:

- Dưới ánh nắng chói chang, Bác nông dân đang cày ruộng.
- Bà cụ ngồi bán những con búp bê khâu bằng vải vụn.

Bài 2: Dựa vào các tình huống sau, hãy đặt câu hỏi để tự hỏi mình:

- Tự hỏi mình về một người trông rất quen nhưng không nhớ tên.
- Một dụng cụ học tập cần tìm mà chưa thấy.
- Một công việc mẹ dặn nhưng quên chưa làm.

Bài 3 : Đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm trong từng câu dưới đây :

- Giữa vườn lá um tùm, **bông hoa** đang dập dờn trước gió.
- Bác sĩ Ly là một người **đức độ, hiền từ mà nghiêm nghị.**
- Chủ nhật tuần tới**, mẹ sẽ cho con đi chơi.
- Bé rất ân hận **vì không nghe lời mẹ dặn.**

Bài 4 : Trong từng câu sau, mục đích dùng câu hỏi để làm gì?

- Anh chị nói nhỏ một chút có được không?.....
- Sao bạn chịu khó thế
?.....
- Sao con hư thế nhỉ ?.....
- Cậu làm như thế này là đúng à ?.....
- Tớ làm thế này mà sai à
?.....

.2. Câu kể: (Tuần 16- Lớp 4)

A) Ghi nhớ:

- Câu kể (còn gọi là câu trần thuật) là câu nhằm mục đích kể, tả hoặc giới thiệu về sự vật, sự việc; hoặc dùng để nói lên ý kiến hoặc tâm tư của mỗi người. Cuối câu kể phải ghi dấu chấm.

- Câu kể có các cấu trúc: **Ai làm gì? Ai thế nào? Ai là gì?**

B) Bài tập thực hành : (Lưu ý : Một số BT sẽ ghi đáp án luôn ở phần đề bài)

Bài 1: Tìm câu kể **Ai làm gì?** trong đoạn văn sau rồi gạch dưới các bộ phận VN của từng câu tìm được:

Bàn tay mềm mại của Tấm rắc đều những hạt cơm quanh bóng. Tấm ngắm nhìn bóng. Tấm nhúng bàn tay xuống nước vuốt nhẹ hai bên sườn của cá*. Cá đứng im trong tay chị Tấm.

Bài 2: Dùng gạch (/) tách CN và VN trong từng câu sau và cho biết VN trong từng câu là ĐT hay cụm ĐT.

- Em bé cười.** (.....)
- Cô giáo đang giảng bài.** (.....)
- Đàn cá chuỗi con ủa lại tranh nhau đớp tới tấp.*** (.....)

Bài 3: Đặt 2 câu kể **Ai làm gì?** Trong đó một câu có VN là ĐT, một câu có VN là cụm ĐT.

Bài 4: *Tìm CN, VN, trạng ngữ của các câu văn sau:*

Cá Chuối mẹ lại bơi về phía bờ, rạch lên rìa nước, nằm chờ đợi. Bỗng nhiên, nghe như có tiếng bước chân rất nhẹ, Cá Chuối mẹ nhìn ra, thấy hai con mắt xanh lè của mẹ mè đang lại gần. Cá Chuối mẹ lấy hết sức định nhảy xuống nước. Mẹ mè đã nhanh hơn,

lao phấp tới cắn vào cổ Cá Chuối mẹ. Ở dưới nước, đàn cá chuối con chờ đợi mãi không thấy mẹ.

Bài 5: *Tìm các câu kể Ai thế nào? rồi gạch dưới các bộ phận VN.*

Rừng hồi ngào ngạt, xanh thắm trên các quả đồi quanh làng. Một mảnh lá gãy cũng dậy mùi thơm. Gió càng thơm ngát. Cây hồi thẳng, cao, tròn xoe. Cành hồi giòn, dễ gãy hơn cả cành khế. Quả hồi phơi mình xoe trên mặt lá đầu cành*.

Bài 6: *VN trong các câu kể Ai thế nào? tìm được ở BT5 biểu thị nội dung gì? Chúng do những từ ngữ thế nào tạo thành?*

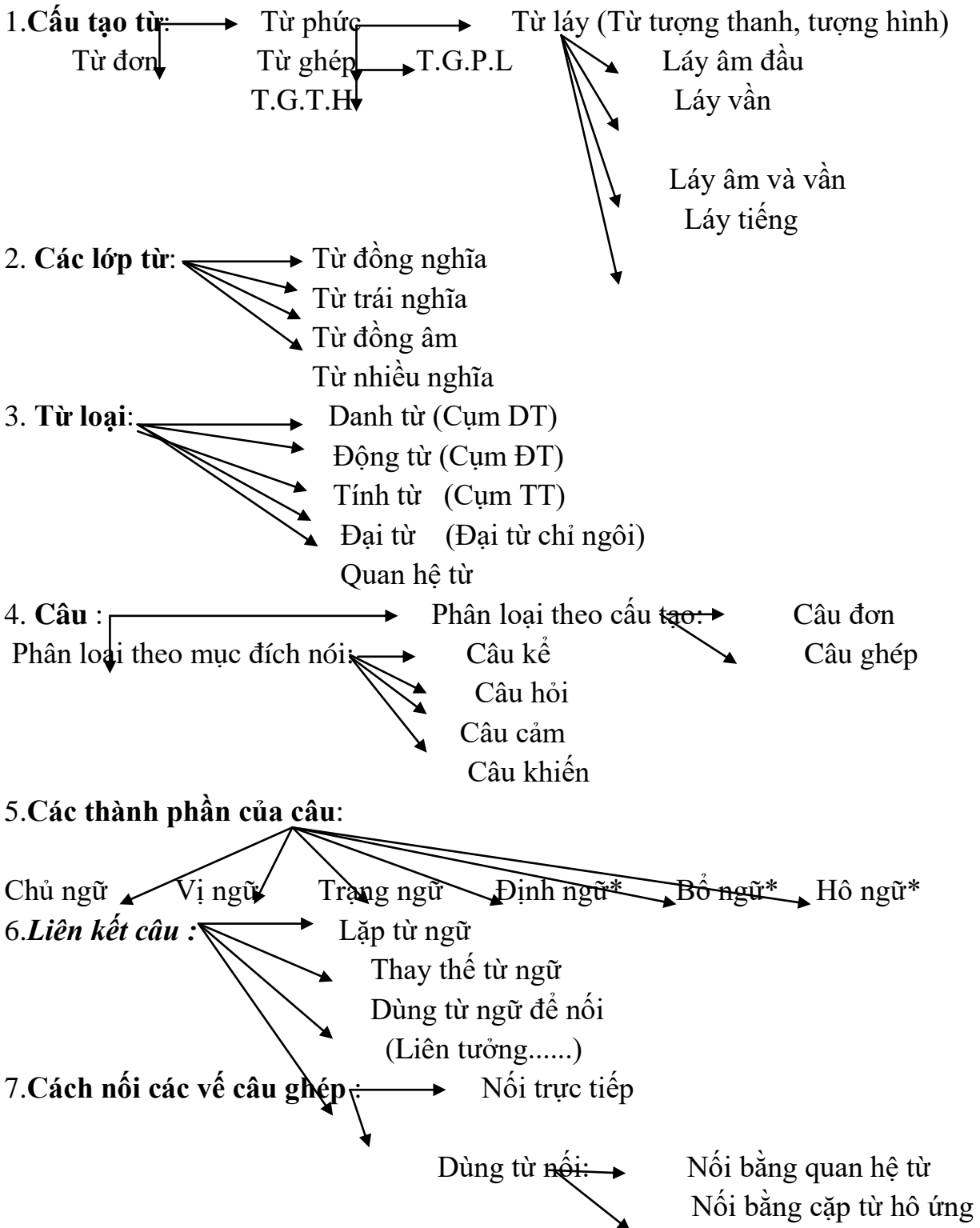
Bài 7:

Tìm câu kể Ai là gì? và nêu tác dụng của từng câu .

- a) Tó là chiếc xe lu
Người tó to lù lù.
- b) Bông cúc là nắng làm hoa
Bướm vàng là nắng bay xa lượn vòng
Lúa chín là nắng của đồng
Trái thị, trái hồng ,... là nắng của cây.
- c) Tôi là chim chích
Sống ở cành chanh.

PHIẾU 5

*Những nội dung cần ghi nhớ:



*Bài tập thực hành:

Bài tập 11: *Hãy chỉ ra các từ phức trong các kết hợp sau:*

Xe đạp, xe cộ, kéo xe, đạp xe, nướng bánh, bánh rán, nước uống, quất lại, rửa xuống, uống nước, chạy đi.

Bài tập 12: *Dùng 1 gạch (/) để tách từng từ trong đoạn văn sau:*

- Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới,... Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi mà như nhảy nhót...
- Mùa xuân mong ước đã đến. Đầu tiên, từ trong vườn, mùi hoa hồng, hoa huệ sực nức bốc lên...

Bài tập 13: *Tìm các từ láy có trong nhóm từ sau:*

Mãi miết, xa xôi, xa lạ, mơ màng, san sẻ, chăm chỉ, học hỏi, quanh co, đi đứng, ao ước, đất đai, minh mẫn, chân chính, cần mẫn, cần cù, tươi tốt, mong mỏi, mong ngóng, mơ mộng, phẳng phiu, phẳng lặng.

Bài tập 14: *Hãy điền vào chỗ trống để có các từ ghép và từ láy:*

Màu....., đỏ....., vàng....., xanh....., sợ....., buồn....., lạnh.....

Bài tập 15:

a) Tìm 4 từ ghép trong đó có tiếng “*mưa*”

b) Tìm 4 từ ghép trong đó có tiếng “*nắng*”

Bài tập 16: *Chỉ ra các từ ghép tổng hợp và từ ghép phân loại trong các từ sau:*

Bạn học, bạn hữu, bạn đường, bạn đời, anh em, anh chị, anh cả, em út, ruột thịt, hoà thuận, thương yêu, vui buồn, vui mắt.

Bài tập 17:

Chia các từ sau thành 2 loại: Từ tượng thanh và từ tượng hình:

Thấp thoáng, thỉnh thoảng, phồng phao, đồ sộ, bầu bầu, mập mập, khanh khách, lè tè, ào ào, nhún nhẩy, ngào ngạt, chon chót, bi bô, bập bẹ, chói với, thoang thoảng, lon ton, tím tím, thăm thẳm.

Bài tập 18: *Cho các từ sau:*

Lững thững, thướt tha, đùng đùng, róc rách, thì thào, lác đác, khúc khích, lộp độp, lách cách, the thé, sang sảng, đoàng đoàng, ào ào.

a) *Phân các từ láy trên thành các kiểu: láy tiếng, láy âm, láy vần, láy cả âm và vần.*

b) *Trong các từ trên, từ nào là từ tượng thanh, từ nào là từ tượng hình?*

Bài tập 19: *Dựa vào các tính từ dưới đây, tìm thêm những thành ngữ so sánh:*

Xanh, vàng, trắng, xấu, đẹp, cứng, lạnh, nặng, nhẹ, vắng, đông, nát.

(Mẫu: Chậm → Chậm như rùa)

Bài tập 20: *Gạch dưới từ không giống các từ khác trong nhóm:*

a) xanh ngắt, xanh thẳm, xanh xao, xanh biếc.

b) Tổ quốc, tổ tiên, đất nước, non sông.

c) Thợ cấy, thợ cày, thợ rèn, lão nông.

d) Đỏ au, đỏ bừng, đỏ ửng, đỏ đắn.

e) Hoà bình, hoà tan, hoà thuận, hoà hợp.

f) Róc rách, thì thầm, lách tách, rì rào.

g) Giáo viên, học sinh, sinh viên, bạn bè.

h) Thành tích, thành thực, thành thật, trung thực.

Bài tập 21: *Phân biệt nghĩa của các từ đồng âm trong các cụm từ sau:*

a) sợi chỉ - chiếu chỉ - chỉ đường - chỉ vàng.

b) đổ tương - đổ lại - thi đỗ - giá đỗ.

Bài tập 22: *Xác định nghĩa gốc và nghĩa chuyển của các từ có trong các kết hợp dưới đây:*

a) Ngọt: cam ngọt, nói ngọt, đàn ngọt, rét ngọt.

b) Cứng: lí lẽ cứng, cứng như thép, tê cứng, lực học cứng.

c) Ăn: ăn đòn, ăn nắng, ăn ảnh, ăn com.

d) Chạy: chạy ăn, ô tô chạy, chạy nhanh, đồng hồ chạy.

e) Đi: tôi đi bộ, đi ô tô, đi học, đi công tác.

Bài tập 23: *Hãy tìm từ trái nghĩa với các từ sau:*

- a) Thật thà, giỏi giang, cứng cỏi, hiền lành.
- b) Nhỏ bé, nông cạn, sáng sủa, thuận lợi.
- c) Vui vẻ, cao thượng, cẩn thận, siêng năng.
- d) Già lão, cân già, quả già.
- e) Muối nhạt, đường nhạt, màu nhạt.

.....
Bài tập 24: *Xác định từ loại của các từ sau:*

Núi đồi, rục rờ, chen chúc, vườn, dịu dàng, ngọt, thành phố, ăn, đi đứng.

Bài tập 25:

Cho đoạn văn sau: Chú chuồn chuồn nước tung cánh bay vọt lên. Cái bóng chú nhỏ xíu lướt nhanh trên mặt hồ. Mặt hồ trải rộng mênh mông và lặng sóng.

- a) Dùng 1 gạch (/) tách từng từ trong đoạn văn trên.
- b) Tìm các DT, ĐT, TT có trong đoạn văn trên.

Bài tập 26: *Tìm từ lạc có trong các nhóm từ sau:*

- a. Xúc động, lo lắng, thân thương, tâm sự.
- b. Cái xấu, cái ác, lương thiện, nổi vất vả.
- c. Sự thật, giả dối, ngay thẳng, hiền lành.

Bài tập 27: *Gạch chân các tính từ có trong nhóm từ sau:*

Trìu mến, cái đẹp, kiên trì, điểm tốt, niềm vui, kỉ niệm, điều hay, lẽ phải, xinh xắn, chuyên cần.

Bài tập 28:

Tìm đại từ có trong đoạn hội thoại sau, nói rõ từng đại từ đó thay thế cho từ ngữ nào:

Lúc tan học, Lan hỏi Hằng:

- Hằng ơi, cậu được mấy điểm toán?
- Tớ được 10, còn cậu được mấy điểm?
- Tớ cũng vậy.

Bài tập 29:

Tìm các Quan hệ từ và cặp QHT có trong các câu văn sau và nêu rõ tác dụng của chúng:

- a. Ông tôi đã già nhưng không một ngày nào ông quên ra vườn.
- b. Tấm rất chăm chỉ còn Cám rất lười biếng.
- c. Mây tan và mưa tạnh dần.
- d. Nam không chỉ học giỏi mà cậu còn hát rất hay.
- e. Mặc dù cuộc sống khó khăn nhưng Lan vẫn học tốt.

Bài tập 30: *Đặt câu với mỗi quan hệ từ sau:*

của, để, do, bằng, với, hoặc.

Bài tập 32: *Chỉ ra tác dụng của từng cặp QHT trong mỗi câu sau:*

- a) Vì gió thổi nên cây đổ.
- b) Nếu gió thổi mạnh thì cây đổ.
- c) Tuy gió thổi không mạnh nhưng cây vẫn đổ.
- d) Nếu Nam giỏi toán thì Bắc giỏi văn.

Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng. Màu lúa chín dưới đồng
..... lại. Nắng nhạt ngả màu Từng chiếc lá mít Tàu đu
đu, chiếc lá sắn héo lại mở năm cánh Dưới sân, rom và thóc
..... Quanh đó, con gà, con chó cũng

(*Tô Hoài*)

Bài tập 47: *Hãy phân biệt nghĩa của các từ vừa điền ở bài tập 46.*

.....
....
.....
..